Phiên bản ngày 28/12/2020



**BẢN ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CHO GIAO DỊCH TÀI TRỢ VỐN DỰ ÁN,   
CÓ THỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG CÙNG VỚI:**

**(A) VĂN BẢN ỦY QUYỀN CỦA INFRASTRUCTURE ASIA; VÀ  
(B) THỎA THUẬN ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA INFRASTRUCTURE ASIA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục lục** | |
| Điều khoản | Trang |

A. CÁC BÊN 1

1. CÁC BÊN CÓ VỐN 1

2. CÁC BÊN ĐỐI TÁC DỰ ÁN 1

3. CÁC BÊN CẤP VỐN 2

4. CÁC BÊN TƯ VẤN 4

B. CHI PHÍ DỰ ÁN THEO NGÂN SÁCH VÀ KẾ HOẠCH TÀI TRỢ VỐN 5

C. CÁC KHOẢN TÍN DỤNG 13

1. KHOẢN TÍN DỤNG KỲ HẠN A 13

2. [KHOẢN TÍN DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG 15

3. [KHOẢN TÍN DỤNG DỰ PHÒNG 16

4. [KHOẢN TÍN DỤNG BẮC CẦU VỐN 17

5. [KHOẢN TÍN DỤNG ECA - [*điền tên của ECA*] 18

6. [KHOẢN TÍN DỤNG DFI - [*điền tên của DFI*] 19

7. [KHOẢN TÍN DỤNG NỘP THUẾ VAT/GST 20

8. HOÀN TRẢ 21

9. PHÒNG NGỪA RỦI RO 22

D. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC 24

1. Tài liệu: 24

2. Hoàn trả trước hạn và Hủy bỏ: 24

3. Tiền Thu Được Từ Bảo Hiểm và Khoản Bồi Thường Do Không Đạt Tiêu Chuẩn: 27

E. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 30

1. Các Tài Liệu Cấp Vốn: 30

2. Các Tài Liệu Bảo Đảm: 30

F. CÁC TÀI KHOẢN DỰ ÁN 32

1. Các Tài Khoản Dự Án: 32

2. Tài Khoản Chi Tiêu: 32

3. Tài Khoản Hoạt Động: 32

4. Tài Khoản Tiền Bồi Thường Và Bảo Hiểm: 33

5. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ: 33

6. [Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì: 33

7. Tài Khoản Phân Chia: 34

8. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán: 34

9. [Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận]: 35

10. Các Kiểm Tra Để Phân Chia: 35

G. MÔ HÌNH TÀI CHÍNH, BẢN DỰ BÁO, CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC TỶ SUẤT 37

1. Mô Hình Tài Chính: 37

2. Bản Dự Báo: 37

3. Báo Cáo Tài Chính: 37

4. Ngày Tính Toán: 38

5. Các Tỷ Suất: 38

6. [Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu: 39

H. CÁC CAM ĐOAN, CAM KẾT VÀ SỰ KIỆN VI PHẠM 41

1. Các cam đoan: 41

2. Các Cam Kết về Thông Tin: 42

3. Các Cam Kết Chung: 45

4. Các Sự Kiện Vi Phạm: 48

I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ LIÊN TÍN DỤNG 50

1. Các Bên Cho Vay Đa Số: 50

2. Các Bên Cho Vay Chuyển nhượng và Chuyển giao: 50

3. [Thay thế Bên Cho Vay: 51

4. Các Bên Cho Vay Vi Phạm: 51

J. CÁC ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT 52

1. Các Điều Kiện Tiên Quyết đối với lần rút vốn đầu tiên : 52

2. Các Điều Kiện Tiên Quyết đối với mỗi lần rút vốn: 55

3. Các Quy Định Khác: 56

4. Cộng Gộp Thuế: 56

5. Chi Phí và Phí Tổn: 56

6. Luật Điều Chỉnh: 56

7. [Thẩm Quyền Xét Xử:] 56

8. [Trọng Tài:] 56

Phụ Lục 1 CÁC ĐỊNH NGHĨA CHÍNH 58

Phụ Lục 2 BẢNG KÊ CHI TIẾT Chi Phí Dự Án 61

Phụ Lục 3 cơ cấu sở hữu cổ phần 62

**BẢN ĐIỀU KHOẢN CHÍNH**

**[CÁC] KHOẢN TÍN DỤNG TRỊ GIÁ [*Điền tổng giá trị các khoản tín dụng và đơn vị tiền tệ cơ bản*] CHO [*Điền tên công ty dự án*]**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| [Xin lưu ý rằng các điều khoản nêu trong Bản Điều Khoản Chính này chỉ mang tính định hướng và không ràng buộc về mặt pháp lý cũng như không tạo thành một đề nghị thu xếp hoặc tài trợ vốn cho [Các] Khoản Tín Dụng. Việc cấp [Các] Khoản Tín Dụng phụ thuộc vào, bên cạnh những nội dung khác, việc thẩm định doanh nghiệp, việc đáp ứng các kiểm tra về “nhận biết khách hàng” hiện hành, việc hoàn thành Mô Hình Tài Chính, tất cả các phê duyệt nội bộ (bao gồm nhưng không giới hạn phê duyệt của ủy ban tín dụng)[, các điều khoản và điều kiện của Văn Bản Ủy Quyền] và các tài liệu đều đáp ứng yêu cầu.] Bản Điều Khoản Chính này không nhằm mục đích bao quát tất cả các điều khoản của bất kỳ giao dịch tài trợ vốn dự kiến nào. | |
|  | |

[NGÀY]

[TÊN CỦA CÁC BÊN THU XẾP CHÍNH ĐƯỢC ỦY QUYỀN]

1. CÁC BÊN

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. CÁC BÊN CÓ VỐN |  |
| * + 1. **Bên Vay**: | [*Điền tên công ty dự án*] (“**Công Ty Dự Án**”). |
| * + 1. **Các Bên Tài Trợ[[1]](#footnote-2)**: | [*Liệt kê các bên tài trợ của Dự Án*]. |
| * + 1. **[Các Cổ Đông:[[2]](#footnote-3)]** | [*Liệt kê các cổ đông của Công Ty Dự Án*]. |
| * + 1. **[Cơ cấu sở hữu cổ phần:]** | [*Điền tỷ lệ phần trăm vốn của mỗi Cổ Đông/Bên Tài Trợ trong Công Ty Dự Án vào Ngày Kết Thúc Tài Chính*]. |
|  |  |
| * 1. CÁC BÊN ĐỐI TÁC DỰ ÁN[[3]](#footnote-4) |  |
| * + 1. **Nhà Thầu Xây Dựng:** | [*Điền thông tin*]. |
| * + 1. **Nhà Thầu VH&QL:** | [*Điền thông tin*]. |
| * + 1. **(Các) Nhà Cung Cấp:** | [*Điền thông tin*]. |
| * + 1. **(Các) Bên Bao Tiêu:** | [*Điền thông tin*]. |
| * + 1. **[*Điền bên khác*]** | [*Điền thông tin*]. |
| * + 1. **Các Bên Chính Tham Gia Dự Án:[[4]](#footnote-5)** | 1. [[*Nhà Thầu Xây Dựng*] (cho đến hết [thời hạn thông báo khiếm khuyết][[5]](#footnote-6) theo Hợp Đồng Xây Dựng);] 2. [*Nhà Thầu* *VH&QL, khi đã có thu xếp tương ứng*]; 3. [*(Các) Nhà Cung Cấp*]; 4. [(Các) Bên Bao Tiêu]; 5. [*các đối tác khác tham gia trong Các Tài Liệu Dự Án chính, và những bên bảo lãnh của các đối tác này (nếu có)*[[6]](#footnote-7)]; 6. [Các Cổ Đông,] Các Bên Tài Trợ, Công Ty Dự Án; và 7. bất kỳ bên nào khác mà Đại Lý Liên Tín Dụng và Công Ty Dự Án đồng ý nên là một Bên Chính Tham Gia Dự Án.[[7]](#footnote-8) |
|  |  |
| * 1. CÁC BÊN CẤP VỐN |  |
| * + 1. **[Các] Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền:** | [ ] [và [ ]]. |
| * + 1. **Các Bên Cho Vay:** | Do [Các] Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền lựa chọn [trên cơ sở tham vấn với Công Ty Dự Án]. |
| * + 1. **[[Các] Ngân Hàng Phòng Ngừa Rủi Ro:]** | [ ] [và [ ]]. |
| * + 1. **[[Các] Tổ Chức Tài Chính Phát Triển:]** | [ ]. |
| * + 1. **[[Các] Tổ Chức Tín Dụng Xuất Khẩu:]** | [ ]. |
| * + 1. **[Đại Lý Liên Tín Dụng:][[8]](#footnote-9)** | [ ]. |
| * + 1. **[(Các) Đại Lý Tín Dụng []:][[9]](#footnote-10)** | [ ]. |
| * + 1. **[[Đại Lý]/[Bên Được Ủy Thác] Bảo Đảm Trong Nước:][[10]](#footnote-11)** | []. |
| * + 1. **[[Đại Lý]/[Bên Được Ủy Thác] Bảo Đảm Nước Ngoài:][[11]](#footnote-12)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Mở Tài Khoản Trong Nước:][[12]](#footnote-13)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Mở Tài Khoản Nước Ngoài:]****[[13]](#footnote-14)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phát Hành:][[14]](#footnote-15)** | []. |
| [**CÁC NGÂN HÀNG CÓ VAI TRÒ CHUYÊN BIỆT**]**[[15]](#footnote-16)** |  |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phụ Trách Chứng Từ:][[16]](#footnote-17)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phụ Trách Kỹ Thuật:][[17]](#footnote-18)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phụ Trách Môi Trường:][[18]](#footnote-19)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phụ Trách Bảo Hiểm:][[19]](#footnote-20)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Điều Phối Phòng Ngừa Rủi Ro:][[20]](#footnote-21)** | []. |
| * + 1. **[Ngân Hàng Phụ Trách Mô Hình:][[21]](#footnote-22)** | []. |
| * 1. CÁC BÊN TƯ VẤN[[22]](#footnote-23) |  |
| * + 1. **Bên Kiểm Tra Mô Hình:** | []. |
| * + 1. **Bên Tư Vấn Kỹ Thuật:** | []. |
| * + 1. **[Bên Tư Vấn Môi Trường và Xã Hội:]** | []. |
| * + 1. **[Bên Tư Vấn Bảo Hiểm:]** | []. |
| * + 1. **(các) Cố Vấn Pháp Lý Của Các Bên Cho Vay:** | []. |
| * + 1. **(các) Cố Vấn Pháp Lý Của Công Ty Dự Án:** | []. |
| * + 1. **[*(các) bên tư vấn khác*:][[23]](#footnote-24)** | []. |

1. CHI PHÍ DỰ ÁN THEO NGÂN SÁCH VÀ KẾ HOẠCH TÀI TRỢ VỐN

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Chi phí dự án theo ngân sách:** | Tổng chi phí Dự Án theo ngân sách: [•].  Chi tiết: Xin xem Phụ Lục 2 (*Bảng kê chi tiết Chi Phí Dự Án*). |
| * + 1. **Các Khoản Tín Dụng[[24]](#footnote-25):** | * + - * 1. Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A.         2. [Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động][[25]](#footnote-26).         3. [Khoản Tín Dụng Dự Phòng][[26]](#footnote-27).         4. [Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn][[27]](#footnote-28).         5. [Khoản Tín Dụng ECA][[28]](#footnote-29).         6. [Khoản Tín Dụng DFI][[29]](#footnote-30).         7. [Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GST][[30]](#footnote-31).         8. [*Khác*][[31]](#footnote-32). |
| * + 1. **[Góp Vốn**[[32]](#footnote-33)**:** | * + - * 1. [Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông] sẽ đăng ký góp vốn trong Công Ty Dự Án [và/hoặc sẽ cho Công Ty Dự Án vay các khoản vay thứ cấp] với tổng số tiền là [•] để dùng cho Chi Phí Dự Án (“**Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản**”).         2. [Doanh thu mà Dự Án thu được trước Ngày Hoàn Tất Dự Án sẽ được xem là được tính vào Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản và được hoặc sẽ được sử dụng để thanh toán các chi phí Dự Án.]         3. Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản sẽ được góp [với số tiền tối thiểu là [•] trước Ngày Kết Thúc Tài Chính (“**Vốn Chủ Sở Hữu Góp Trước**”), và sau đó] [*tương ứng tỷ lệ với* các khoản Rút Vốn thuộc Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A].         4. [Toàn bộ số tiền của bất kỳ cam kết Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản còn lại nào sẽ được [Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông] góp ngay sau khi Đại Lý Liên Tín Dụng yêu cầu sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm mà vẫn đang còn tiếp diễn.][[33]](#footnote-34)         5. [Các Cổ Đông sẽ đăng ký góp thêm vốn vào Công Ty Dự Án và/hoặc sẽ cho Công Ty Dự Án vay thêm các khoản vay thứ cấp với tổng số tiền là [•] trên cơ sở dự phòng để thanh toán cho phần Chi Phí Dự Án phát sinh vượt mức (“**Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng**”).][[34]](#footnote-35)         6. [Nghĩa vụ của Các Cổ Đông phải góp Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản [và Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng] sẽ được hỗ trợ bởi [theo các thư tín dụng trả theo yêu cầu, có hình thức và nội dung đáp ứng Các Bên Cho Vay, được phát hành bởi một hoặc nhiều ngân hàng có mức xếp hạng tín dụng dài hạn tối thiểu từ [•] vào từng thời điểm] [và/hoặc][một bảo lãnh của công ty mẹ với hình thức và nội dung đáp ứng Các Bên Cho Vay [trừ khi [mức xếp hạng của *công ty mẹ*] xuống thấp hơn [•][[35]](#footnote-36) hoặc tương đương]/[*các ngưỡng tài chính được chấp nhận khác*], trong trường hợp này các nghĩa vụ sẽ được hỗ trợ bởi một thư tín dụng [*như nêu trên*]]. [Các thư tín dụng trả theo yêu cầu và/hoặc bảo lãnh của công ty mẹ nói trên] (và các nghĩa vụ theo đó) đối với bất kỳ Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản nào [và Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng] sẽ được giải trừ vào Ngày Hoàn Tất Tài Chính.]] |
| * + 1. **[Hỗ trợ/Cam kết của Bên Tài Trợ:][[36]](#footnote-37)** | []. |
| * + 1. **Tỷ Suất Nợ Trên Vốn Chủ Sở Hữu:[[37]](#footnote-38)** | [*Đây là tỷ suất cần có bằng cách lấy Nợ (nghĩa là tổng số tiền gốc của nợ được ưu tiên thanh toán) chia cho Vốn Chủ Sở Hữu (nghĩa là vốn cổ phần đã thanh toán đủ + các khoản vay cổ đông đã vay và đã cam kết[[38]](#footnote-39)).*] |
| * + 1. **Ngày Ký:** | Ngày mà Các Tài Liệu Cấp Vốn được ký kết. |
| * + 1. **Ngày Kết Thúc Tài Chính:** | Ngày đáp ứng hoặc cho miễn thực hiện tất cả các điều kiện tiên quyết ban đầu đối với việc kết thúc tài chính như được quy định trong phần “Các Điều Kiện Tiên Quyết” bên dưới. |
| * + 1. **Ngày Vận Hành Thương Mại**[[39]](#footnote-40)**:** | * + - 1. [●]. |
| * + 1. **[Ngày Hoàn Tất Tài Chính**[[40]](#footnote-41)**:** | Ngày đầu tiên mà các yêu cầu về hoàn thành nêu dưới đây đã được thực hiện đáp ứng yêu cầu của Các Bên Cho Vay: [●].] |
| * + 1. **Ngày Hoàn Tất Dự Án:** | Ngày đầu tiên mà các yêu cầu về hoàn tất nêu dưới đây đã được đáp ứng:   * + - * 1. [*điền các kiểm tra về hoàn công, độ an toàn và hiệu suất*] đã được đáp ứng phù hợp với Hợp Đồng Xây Dựng [và [Các] Hợp Đồng Bao Tiêu];         2. chứng chỉ nghiệm thu tạm thời/ban đầu đã được cấp;         3. [*điền cơ quan có thẩm quyền đối với dự án*] đã xác nhận chấp nhận [ ] theo [*điền thỏa thuận liên quan*];         4. [Nhà Máy và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tiện ích đi kèm cần thiết cho Dự Án] đều đã hoàn thành đáp ứng Bên Tư Vấn Kỹ Thuật, đã được Công Ty Dự Án nghiệm thu và đều đang hoạt động phù hợp với các tiêu chuẩn thiết kế và vận hành nêu tại Hợp Đồng Xây Dựng [và [Các] Hợp Đồng Bao Tiêu];         5. [*điền thêm bất kỳ yêu cầu về kỹ thuật hoặc hoạt động nào khác đối với Nhà Máy hoặc cơ sở hạ tầng và tiện ích đi kèm hoặc theo yêu cầu, dù ở trong hay ngoài công trường dự án];*         6. Ngày Vận Hành Thương Mại đã xảy ra;         7. [Các] Hợp Đồng Cung Cấp, [Các] Hợp Đồng Bao Tiêu, Hợp Đồng VH&QL, [và][*điền các văn bản liên quan khác*] đều vô điều kiện, có đầy đủ giá trị và hiệu lực, và tất cả các bên tham gia đều thực hiện đúng các điều khoản của các hợp đồng này;         8. không có hành động, khiếu nại, tranh chấp hoặc thủ tục tố tụng đang chờ xử lý hoặc chưa giải quyết nào đối với Công Ty Dự Án và toàn bộ Chi Phí Dự Án đến hạn và phải thanh toán đều đã được thanh toán đầy đủ hoặc dự phòng đã được trích lập tương xứng cho các chi phí này;         9. bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại do chậm trễ và/hoặc khoản bồi thường do không đạt tiêu chuẩn nào phải trả theo Hợp Đồng Xây Dựng [và [Các] Hợp Đồng Bao Tiêu] đều đã được chi trả đầy đủ;         10. Bản Dự Báo được cập nhật và các ngân sách hoạt động đã được Công Ty Dự Án lập và được Đại Lý Liên Tín Dụng phê duyệt sau khi tham vấn với Bên Tư Vấn Kỹ Thuật;         11. Báo Cáo Tài Chính được công bố gần đây nhất thể hiện rằng, vào Ngày Tính Toán gần nhất, (i) Tỷ Suất DSCR Dự Báo tối thiểu là []][[41]](#footnote-42), và (ii) [Hệ Số LLCR tối thiểu là []];         12. Dự Án tuân thủ đúng tất cả pháp luật và các hướng dẫn về môi trường;         13. tất cả các ủy quyền/chấp thuận cần thiết để Công Ty Dự Án có thể thực thi các quyền, thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Các Tài Liệu Dự Án đều đã được cấp/ban hành trên cơ sở vô điều kiện (hoặc, nếu được cấp/ban hành phụ thuộc vào các điều kiện, thì các điều kiện đó đã được đáp ứng hoặc từ bỏ) và đang có đầy đủ hiệu lực;         14. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ được cung cấp số tiền sao cho đạt được mức yêu cầu vào lúc đó như được quy định tại mục “Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ” bên dưới[, bằng cách gửi tiền gửi hoặc bằng khoản Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận[[42]](#footnote-43)];         15. Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì được cung cấp số tiền sao cho đạt được mức yêu cầu vào lúc đó như được quy định tại mục “Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì” bên dưới[, bằng cách gửi tiền gửi hoặc bằng khoản Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận];         16. tất cả các bảo hiểm được yêu cầu cho thời gian vận hành đều đã được mua và đang có hiệu lực theo xác nhận của Bên Tư Vấn Bảo Hiểm;         17. không có Vi Phạm [hoặc bất khả kháng] nào đang tiếp diễn;         18. [*điền bất kỳ điều kiện nào khác (ví dụ: các báo cáo hoặc cập nhật về MT&XH) hoặc các yêu cầu về hiệu suất, văn bản (ví dụ như bảo hành về lỗi/bảo lãnh thực hiện hợp đồng) hoặc yêu cầu về tài chính*];         19. Bên Tư Vấn Kỹ Thuật đã gửi cho Đại Lý Liên Tín Dụng một báo cáo xác nhận rằng Công Ty Dự Án đã đáp ứng từng yêu cầu được nêu tại các đoạn [ ] và [ ] ở trên; và         20. Công Ty Dự Án đã gửi cho Đại Lý Liên Tín Dụng một thông báo, do giám đốc ký, xác nhận rằng các yêu cầu tại đoạn [ ] và [ ] trên đã được đáp ứng và Đại Lý Liên Tín Dụng đã xác nhận chấp nhận thông báo đó. |
| * + 1. **[Ngày Hoàn Tất Dự Án] Dự Kiến / [Ngày Hoàn Tất Tài Chính] Dự Kiến:** | [*•*] |
| * + 1. **Ngày Hạn Chót:** | [*•*][[43]](#footnote-44) |
| * + 1. **[Điều Chỉnh Vốn Chủ Sở Hữu:[[44]](#footnote-45)]** | * + - 1. [Vào Ngày Hoàn Tất Tài Chính, nếu các số tiền được cấp theo [Các Khoản Tín Dụng]**[[45]](#footnote-46)** vượt quá khoản tiền Chi Phí Dự Án chưa thanh toán còn lại [có xác nhận của Bên Tư Vấn Kỹ Thuật], Công Ty Dự Án có thể sử dụng số tiền dư ra trong lần rút vốn cuối cùng để hoàn trả một phần cho các khoản vay cổ đông đang còn nợ hoặc để công bố khoản cổ tức hoặc phân chia đặc biệt, trong mỗi trường hợp, có giá trị bằng với số tiền dư ra, với điều kiện là vào lúc và ngay sau khi rút vốn tương ứng và tiến hành hoàn trả hoặc công bố cổ tức hay khoản phân chia như vậy:          1. [Tỷ Suất DSCR Dự Báo] cho mỗi Ngày Tính Toán đến sau lần rút vốn dự kiến sẽ không thấp hơn [•];          2. [Hệ Số LLCR không thấp hơn [•];]          3. Tỷ Suất Nợ Trên Vốn Chủ Sở Hữu không vượt quá [•]; [và]          4. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn [hoặc sẽ xảy ra do thực hiện hoặc công bố việc hoàn trả, trả trước hạn, cổ tức hoặc khoản phân chia như nêu trên][; và          5. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ được cung cấp số tiền sao cho đạt được mức yêu cầu vào lúc đó như được quy định tại mục “Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ” bên dưới[, bằng cách gửi tiền gửi hoặc bằng khoản Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận].   Bất kỳ việc điều chỉnh vốn chủ sở hữu nào theo quy định ở trên sẽ không cần phải đáp ứng Các Kiểm Tra Để Phân Chia.] |

1. CÁC KHOẢN TÍN DỤNG
   1. KHOẢN TÍN DỤNG KỲ HẠN A[[46]](#footnote-47)

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | Khoản vay tín dụng có kỳ hạn. |
| * + 1. **Số tiền:** | [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng có kỳ hạn*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | * + - * 1. Vào bất kỳ thời điểm nào trước [Ngày Hoàn Tất Tài Chính] / Ngày Hoàn Tất Dự Án, [●]% một năm.         2. Vào bất kỳ thời điểm nào vào hoặc sau [Ngày Hoàn Tất Tài Chính] / Ngày Hoàn Tất Dự Án, [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | * + - * 1. Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng và bất kỳ phương án thay thế nào*][[47]](#footnote-48) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365][[48]](#footnote-49) ngày.         2. [Lãi trong giai đoạn xây dựng (là tiền lãi phát sinh và phải trả vào những ngày thanh toán lãi trước ngày hoàn trả đầu tiên của Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A) [là một Chi Phí Dự Án] / [sẽ được chuyển thành vốn].][[49]](#footnote-50) |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:****[[50]](#footnote-51)** | [] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | *Phí Cam Kết*:   * + - * 1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.         2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [Ngày Ký] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A và phải trả tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.       1. *Phí Thu Xếp*:          1. [●]% của tổng các cam kết thuộc Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A vào [Ngày Kết Thúc Tài Chính].          2. Các phí thu xếp sẽ phải trả từ nguồn tiền có từ khoản Rút Vốn đầu tiên thuộc Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý, phí cho bên được ủy thác bảo đảm và phí cho ngân hàng mở tài khoản*] |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận] đến [ngày nào đến sớm hơn trong số: [[•] ngày sau] (i) [Ngày Hoàn Tất Tài Chính/Ngày Hoàn Tất Dự Án] và (ii) Ngày Hạn Chót][[51]](#footnote-52). |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá một lần Rút Vốn trong mỗi [tháng]/[quý][[52]](#footnote-53) dương lịch. |
| * + 1. **Mục đích:** | Để thanh toán Chi Phí Dự Án.[[53]](#footnote-54) [[54]](#footnote-55) |
| * + 1. **Chi Phí Dự Án:** | [Các chi phí (như được nêu chi tiết trong các ngân sách liên quan và được thỏa thuận với Đại Lý Liên Tín Dụng) để phát triển, vay vốn, xây dựng và chạy thử [Nhà Máy], bao gồm chi phí xây dựng và chạy thử, phí và chi phí phát triển, vốn lưu động trước khi hoàn tất, các khoản đột xuất, chi phí vay vốn trong giai đoạn xây dựng[[55]](#footnote-56) [[56]](#footnote-57), [cấp vốn ban đầu cho các tài khoản dự phòng][[57]](#footnote-58), chi phí để nhận được bất kỳ chấp thuận cần có nào, chi phí hoạt động tính đến Ngày Vận Hành Thương Mại, phí bảo hiểm, thuế, [*điền các khoản khác*].][[58]](#footnote-59) |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | * + - 1. Khoản [vay/tín dụng][[59]](#footnote-60) tuần hoàn [có thể được rút vốn bằng hình thức: |
|  | * + - * 1. rút vốn vay; [và] |
|  | * + - * 1. [phát hành thư tín dụng.]] |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng tuần hoàn*] [sẽ được rút vốn [như sau: |
|  | * + - * 1. trong trường hợp Khoản Vay [và Thư Tín Dụng]] là [*điền đơn vị tiền tệ*][; và] |
|  | * + - * 1. [trong trường hợp Thư Tín Dụng là [*điền đơn vị tiền tệ*].] |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [•]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*] [[60]](#footnote-61) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | *Phí Cam Kết*:   * + - * 1. [•]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.         2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động và tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **[Phí Thư Tín Dụng:****[[61]](#footnote-62)** | []% một năm, phải [trả sau/trả trước] định kỳ hàng quý (hoặc một thời hạn ngắn hơn khác kết thúc vào ngày hết hạn liên quan). Phí thư tín dụng cộng dồn cũng phải được trả trên số tiền đã hủy trong Cam Kết [Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động] của một Bên Cho Vay vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.] |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận]/[Ngày Vận Hành Thương Mại][[62]](#footnote-63) cho đến [•]. |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn trong mỗi tháng dương lịch[[63]](#footnote-64). |
| * + 1. **Mục đích:** | Để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Dự Án [*cho đến* [*điền ngày*]]. |
| * + 1. **[Nghĩa vụ trả nợ gốc cho khoản tín dụng vốn lưu động (*Clean Down*):** | [*điền yêu cầu về trả nợ gốc cho khoản tín dụng vốn lưu động (clean-down) hàng năm*].] |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG DỰ PHÒNG

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | * + - 1. Khoản vay tín dụng có kỳ hạn cho mục đích đột xuất. |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*] [[64]](#footnote-65) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | * + - 1. *Phí Cam Kết:*          1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.          2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng Dự Phòng*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Dự Phòng và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Dự Phòng và tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng Dự Phòng vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận] đến [ngày nào đến sớm hơn trong số: [[•] ngày sau] (i) [Ngày Hoàn Tất Tài Chính/Ngày Hoàn Tất Dự Án] và (ii) Ngày Hạn Chót][[65]](#footnote-66). |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn. |
| * + 1. **Mục đích:** | Để dùng cho các khoản vượt quá Chi Phí Dự Án.] |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG BẮC CẦU VỐN

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | * + - 1. Khoản vay tín dụng có kỳ hạn. |
| * + 1. **Bên bảo đảm/Bên cung cấp hỗ trợ tín dụng:** | * + - 1. Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông. |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*][[66]](#footnote-67) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | * + - 1. *Phí Cam Kết:*          1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.          2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn và tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận] đến [●]. |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn trong mỗi tháng dương lịch[[67]](#footnote-68). |
| * + 1. **Mục đích:** | Để dùng cho Chi Phí Dự Án. |
| * + 1. **Thứ tự ưu tiên đối với các yêu cầu thanh toán của Các Bên Cho Vay:** | Xếp sau Khoản Tín Dụng Có Kỳ Hạn và [*điền Các Khoản Tín Dụng khác được ưu tiên hơn*]].] |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG ECA[[68]](#footnote-69) - [*điền tên của ECA*]

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | * + - 1. Khoản tín dụng có kỳ hạn. |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*][[69]](#footnote-70) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | * + - 1. *Phí Cam Kết:*          1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.          2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng ECA*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng ECA và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng ECA và tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng ECA vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **Phí cho ECA:** | * + - 1. [•] / [sẽ được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và ECA liên quan]. |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận] đến [[một tháng] trước Ngày Đáo Hạn Sau Cùng]. |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn trong mỗi tháng dương lịch[[70]](#footnote-71). |
| * + 1. **Mục đích:** | (i) để thanh toán các khoản tiền không vượt quá [[•]% của] tổng số tiền phải trả cho [bên xuất khẩu hợp lệ] liên quan theo một [hợp đồng hợp lệ] để mua [nội dung phù hợp[[71]](#footnote-72)][; và  (ii) để thanh toán [lên đến [•]% của] Phí ECA].] |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG DFI[[72]](#footnote-73) - [*điền tên của DFI*]

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại:** | * + - 1. Khoản tín dụng có kỳ hạn. |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*][[73]](#footnote-74) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | * + - 1. *Phí Cam Kết:*          1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.          2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng DFI*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng DFI và sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng DFI và tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng DFI vào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **Phí cho DFI:** | * + - 1. [●] / [sẽ được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và DFI liên quan]. |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [ngày của Thỏa Thuận] đến [[một tháng] trước Ngày Đáo Hạn Sau Cùng]. |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Tần suất Rút Vốn:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn trong mỗi tháng dương lịch[[74]](#footnote-75). |
| * + 1. **Mục đích:** | Để thanh toán Chi Phí Dự Án.] |

* 1. [KHOẢN TÍN DỤNG NỘP THUẾ VAT/GST

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Loại tín dụng nộp thuế VAT/GST:** | * + - 1. Khoản tín dụng [có kỳ hạn/tuần hoàn]. |
| * + 1. **Số tiền:** | * + - 1. [*Điền số tiền và đơn vị tiền tệ của khoản tín dụng*]. |
| * + 1. **Biên Lợi Nhuận:** | [●]% một năm. |
| * + 1. **Lãi suất:** | Biên Lợi Nhuận áp dụng *cộng với* [*điền mức chuẩn được áp dụng*][[75]](#footnote-76) kỳ hạn [sáu (6)] tháng (hoặc kỳ hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng), được tính trên số ngày thực tế đã trôi qua trong mỗi Kỳ Tính Lãi và một năm có [360/365] ngày. |
| * + 1. **Kỳ Tính Lãi:** | [Sáu (6)] Tháng hoặc một thời hạn khác được thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * + 1. **Các Phí:** | * + - 1. *Phí Cam Kết:*          1. [●]% một năm tính trên phần chưa rút và chưa hủy bỏ của số tiền tín dụng.          2. Các phí cam kết sẽ được tính vào và kể từ [*khi bắt* *đầu Thời Hạn Rút Vốn của Khoản Tín Dụng Nộp Thuế* *VAT/GST*] cho đến ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GSTvà sẽ phải trả theo hình thức trả sau vào mỗi Ngày Trả Lãi, vào ngày cuối cùng của Thời Hạn Rút Vốn Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GSTvà tính trên số tiền bị hủy bỏ của Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GSTvào thời điểm việc hủy bỏ toàn bộ có hiệu lực.   [*Điền thêm bất kỳ phí nào khác, chẳng hạn như phí đại lý*] |
| * + 1. **Thời Hạn Rút Vốn:** | Kể từ [Ngày Kết Thúc Tài Chính] đến [Ngày Hạn Chót] / [Ngày Hoàn Tất Dự Án][Ngày Hoàn Tất Tài Chính]. |
| * + 1. **Số Tiền Tối Thiểu của mỗi lần Rút Vốn:** | Mỗi lần Rút Vốn tối thiểu sẽ là [*điền số tiền*]. |
| * + 1. **Số lần Rút Vốn tối đa:** | Không được yêu cầu quá [•] lần Rút Vốn. |
| * + 1. **Mục đích:** | Để nộp thuế giá trị gia tăng/thuế hàng hóa và dịch vụ trên các khoản thanh toán cần phải nộp thuế liên quan đến Chi Phí Dự Án trong Thời Gian Xây Dựng cho đến khi các khoản nộp thuế này được các cơ quan thuế hoàn lại.] |

* 1. HOÀN TRẢ[[76]](#footnote-77)

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Ngày Đáo Hạn Sau Cùng:** | []. |
| * + 1. **Hoàn trả Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A:** | |  |  | | --- | --- | | [Các Khoản Vay sẽ được hoàn trả theo đợt [mỗi nửa năm] vào các ngày và với số tiền được quy định tại Phụ Lục đính kèm Bản Điều Khoản Chính này] / [theo đợt như sau: | | | | | **Ngày hoàn trả** | **Đợt hoàn trả** | | [*Điền ngày*] | [*tỷ lệ phần trăm/phần tính bằng phân số/số tiền*]] | | Ngày hoàn trả đầu tiên sẽ được thỏa thuận với Công Ty Dự Án [nhưng không trễ hơn [sáu] tháng kể từ [Ngày Hoàn Tất Dự Án] Dự Kiến.] | | |
| * + 1. [**Hoàn trả Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động:** | [Mỗi Khoản Vay sẽ được hoàn trả vào ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi của Khoản Vay đó.] / [Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động sẽ được hoàn trả chậm nhất vào [Ngày Đáo Hạn Sau Cùng].] |
| * + 1. [**Hoàn trả** **Khoản Tín Dụng Dự Phòng:** | [*Điền lịch hoàn trả*.]] |
| * + 1. [**Hoàn trả Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn:** | [*Điền lịch hoàn trả*.]] |
| * + 1. [**Hoàn trả Khoản Tín Dụng ECA:** | [*Điền lịch hoàn trả*.]] |
| * + 1. [**Hoàn trả Khoản Tín Dụng Nộp Thuế** **VAT/GST:** | [*Điền lịch hoàn trả*.]] |

* 1. PHÒNG NGỪA RỦI RO

|  |  |
| --- | --- |
| * + 1. **Chiến Lược Phòng Ngừa Rủi Ro[[77]](#footnote-78):** | ***Phòng ngừa rủi ro lãi suất***   * + - * 1. [Chiến lược phòng ngừa rủi ro sẽ được thỏa thuận với [Các Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền/Các Bên Cho Vay] trước Ngày Ký.         2. Các bên đối tác phòng ngừa rủi ro có thể là một Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền, Bên Cho Vay hoặc các công ty liên kết của họ [hoặc bất kỳ đối tác nào khác] mà, trong bất kỳ trường hợp nào, có xếp hạng tín dụng dài hạn là [•] (theo đánh giá của S&P hoặc Fitch) hoặc [•] (theo đánh giá của Moody's) hoặc cao hơn.         3. Các bên đối tác phòng ngừa rủi ro sẽ tham gia vào Các Tài Liệu Cấp Vốn liên quan với vai trò là các bên đối tác phòng ngừa rủi ro, có các quyền biểu quyết theo thông lệ sẽ được thỏa thuận sau khi thu hồi nợ trước đối với các khoản tiền chấm dứt còn nợ các bên này theo các hợp đồng phòng ngừa rủi ro và sẽ là các bên thụ hưởng *ngang hàng nhau* đối với gói bảo đảm của Các Bên Cho Vay.]   [***Phòng ngừa rủi ro khác***  Công Ty Dự Án sẽ tham gia vào các giao dịch để phòng ngừa rủi ro về:   * + - * 1. [*tiền tệ*]; và         2. [*giá cả hàng hóa*].   Chiến lược phòng ngừa rủi ro sẽ được thỏa thuận với [Các Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền/Các Bên Cho Vay] trước Ngày Ký.] |

1. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Tài liệu: | [Các] Khoản Tín Dụng sẽ được cung cấp theo một thỏa thuận điều khoản chung dựa trên mẫu hiện tại của [Thỏa Thuận Điều Khoản Chung của Infrastructure Asia], được cập nhật để phản ánh bất kỳ thay đổi nào của thực tiễn thị trường đối với các khoản vay hợp vốn nói chung, và một hoặc nhiều hợp đồng vay, và các tài liệu cấp vốn khác, trong mỗi trường hợp, có hình thức và nội dung đáp ứng yêu cầu của [[các] Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền][và Các Bên Cho Vay]]. |
| * 1. Hoàn trả trước hạn và Hủy bỏ: | * + 1. **Bất hợp pháp**   Nếu, tại bất kỳ quốc gia liên quan nào, việc Bên Cho Vay thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình hoặc việc Bên Cho Vay tài trợ vốn hoặc duy trì phần tham gia cấp vốn của Bên Cho Vay [là hoặc sẽ trở thành bất hợp pháp][trở thành bất hợp pháp], Bên Cho Vay liên quan phải thông báo nhanh chóng cho Đại Lý Liên Tín Dụng về vấn đề bất hợp pháp đó, và ngay sau khi Đại Lý Liên Tín Dụng thông báo cho Công Ty Dự Án về vấn đề bất hợp pháp đó thì Cam Kết của Bên Cho Vay đó sẽ lập tức bị hủy bỏ và phần tham gia cấp vốn của Bên Cho Vay đó trong Các Khoản Vay sẽ phải được hoàn trả trước hạn (trong trường hợp phần tham gia cấp vốn đó chưa được chuyển giao theo các quy định của Thỏa Thuận). |
|  | * + 1. **Chi Phí Tăng Thêm, Cộng Gộp Thuế và Bồi Hoàn Thuế**   Công Ty Dự Án có thể hủy bỏ Cam Kết của một Bên Cho Vay và hoàn trả trước hạn cho Bên Cho Vay mà đưa ra yêu cầu thanh toán theo bất kỳ quy định nào tại đây nếu Công Ty Dự Án đã chứng minh, trong chừng mực đáp ứng yêu cầu hợp lý của Đại Lý Liên Tín Dụng, rằng ngay sau khi hủy bỏ và hoàn trả trước hạn như vậy thì:   * + - * 1. sẽ không có Khoản Cấp Vốn Còn Thiếu[[78]](#footnote-79);         2. Ngày Hoàn Tất Dự Án sẽ xảy ra vào hoặc trước [Ngày Hoàn Tất Dự Án Dự Kiến]; và         3. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh do kết quả của việc hủy bỏ và hoàn trả trước hạn đó. |
|  | * + 1. **Hoàn Trả Trước Hạn Bắt Buộc**   Công Ty Dự Án sẽ sử dụng:[[79]](#footnote-80) [[80]](#footnote-81)   * + - * 1. toàn bộ tiền thu được từ yêu cầu bồi thường theo các bảo hiểm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất mà (1) không được sử dụng để sửa chữa hoặc khôi phục tài sản bị mất mát hoặc thiệt hại hoặc (2) vượt quá chi phí cần để sửa chữa hoặc khôi phục theo “Tiền Thu Được Từ Bảo Hiểm và Khoản Bồi Thường Do Không Đạt Tiêu Chuẩn” bên dưới để khôi phục các Tỷ Suất về tối thiểu là [mức [*điền mức yêu cầu*]][các mức được yêu cầu vào Ngày Kết Thúc Tài Chính][[81]](#footnote-82);         2. toàn bộ tiền bồi thường mà Công Ty Dự Án[, Các Bên Tài Trợ hoặc Các Cổ Đông] đã nhận được (ngoại trừ khoản bồi thường do không đạt tiêu chuẩn) liên quan đến (A) việc tịch biên, trưng mua, quốc hữu hóa hoặc sung công bất kỳ phần nào của dự án (hoặc bất kỳ quyền lợi nào trong đó) hoặc vốn cổ phần của Công Ty Dự Án, (B) bất kỳ khoản bồi thường do vi phạm bảo đảm nào hoặc khoản bồi thường thiệt hại (không phải là khoản bồi thường thiệt hại do chậm trễ) mà Nhà Thầu Xây Dựng đã thanh toán hoặc phải thanh toán, (C) bất kỳ số tiền nào đã trả đối với việc giải phóng, điều chỉnh, đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyền liên quan đến bất kỳ phần nào của Dự Án, bất kỳ hạn chế nào ảnh hưởng đến bất kỳ phần nào của Dự Án hoặc việc cấp bất kỳ quyền đi qua công trình liền kề nào đối với Dự Án, và các sự kiện tương tự khác được quy định trong Các Tài Liệu Cấp Vốn;         3. toàn bộ khoản bồi thường do không đạt tiêu chuẩn mà Công Ty Dự Án đã nhận từ [bất kỳ bên dự án nào theo một Tài Liệu Dự Án] [[82]](#footnote-83) mà (1) không được sử dụng để tái đầu tư Dự Án hoặc (2) vượt quá chi phí cần để tái đầu tư theo “Tiền Thu Được Từ Bảo Hiểm và Khoản Bồi Thường Do Không Đạt Tiêu Chuẩn” bên dưới để khôi phục các Tỷ Suất về tối thiểu là [mức [*điền mức yêu cầu*]][các mức được yêu cầu vào Ngày Kết Thúc Tài Chính] [trừ khi khoản bồi thường do không đạt tiêu chuẩn đó [phải trả cho bất kỳ bên dự án nào khác do một tình huống làm cho Công Ty Dự Án được nhận khoản tiền đó]; [và]         4. [*Đưa vào bất kỳ sự kiện hoàn trả trước hạn bắt buộc nào khác, ví dụ như Thay Đổi Quyền Kiểm Soát[[83]](#footnote-84), định đoạt tài sản nhiều hơn ngưỡng quy định, các lệnh trừng phạt mà không tạo thành một trường hợp bất hợp pháp (và trong trường hợp Khoản Tín Dụng ECA, mất sự tài trợ của ECA)*],   để hoàn trả trước hạn cho [Các Khoản Tín Dụng][[84]](#footnote-85)[, [theo thứ tự ngược từ số tiền phải trả cuối cùng (ngoại trừ trong trường hợp đoạn [(iii)][*điền các đoạn khác*] bên trên thì sẽ được sử dụng để hoàn trả theo tỷ lệ cho tất cả các đợt thanh toán còn nợ của mỗi Khoản Tín Dụng).]  Bất kỳ khoản hoàn trả trước hạn nào sẽ được thanh toán cùng với các phí trả trước hạn (nếu có) và phí chấm dứt hợp đồng phòng ngừa rủi ro (nếu cần để tuân thủ đúng Chiến Lược Phòng Ngừa Rủi Ro)[[85]](#footnote-86). |
|  | * + 1. **Hủy Bỏ Tự Nguyện**[[86]](#footnote-87)   Bằng cách gửi văn bản thông báo trước ít nhất [] Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn ngắn hơn được Các Bên Cho Vay Đa Số chấp thuận), Công Ty Dự Án có thể hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần (tối thiểu bằng [*điền số tiền tối thiểu và đơn vị tiền tệ cơ sở*]) của [một/] Khoản Tín Dụng Được Cấp, với điều kiện Công Ty Dự Án đã chứng minh, trong chừng mực đáp ứng yêu cầu hợp lý của Đại Lý Liên Tín Dụng, rằng ngay sau khi hủy bỏ thì:   * + - * 1. sẽ không có Khoản Cấp Vốn Còn Thiếu;         2. Ngày Hoàn Tất Dự Án sẽ xảy ra vào hoặc trước [Ngày Hoàn Tất Dự Án Dự Kiến]; và         3. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh do kết quả của việc hủy bỏ đó. |
|  | * + 1. **Hoàn trả trước hạn tự nguyện đối với Các Khoản Vay của [Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A]**   Bằng cách gửi thông báo trước ít nhất [•] Ngày Làm Việc, Công Ty Dự Án có thể hoàn trả trước hạn toàn bộ hoặc một phần [Các Khoản Tín Dụng] từ số dư ở bên có của Tài Khoản Hoạt Động:   * + - * 1. nếu việc hoàn trả trước hạn được thực hiện sau Ngày Hoàn Tất Dự Án;         2. trong trường hợp thực hiện hoàn trả trước hạn trước Ngày Hoàn Tất Dự Án, nếu Công Ty Dự Án đã chứng minh, trong chừng mực đáp ứng yêu cầu hợp lý của Đại Lý Liên Tín Dụng, rằng ngay sau khi hoàn trả trước hạn thì: |
|  | * + - 1. sẽ không có Khoản Cấp Vốn Còn Thiếu;       2. Ngày Hoàn Tất Dự Án sẽ xảy ra vào hoặc trước [Ngày Hoàn Tất Dự Án Dự Kiến]; và       3. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh do kết quả của việc hoàn trả trước hạn đó; và          1. nếu giá trị hoàn trả trước hạn không thấp hơn [•]. |
|  | * + 1. **Các điều kiện khác đối với việc Hoàn trả trước hạn**        - 1. Các khoản hoàn trả trước hạn sẽ được dùng để hoàn trả các số tiền phải trả [theo thứ tự ngược từ số tiền phải trả cuối cùng] / [tính theo tỷ lệ].[[87]](#footnote-88)          2. Bất kỳ khoản hoàn trả trước hạn sẽ được thanh toán cùng với chi phí chấm dứt các hợp đồng phòng ngừa rủi ro (nếu được yêu cầu để tuân thủ đúng Chiến Lược Phòng Ngừa Rủi Ro)[[88]](#footnote-89).          3. [Công Ty Dự Án có thể hoàn trả trước hạn toàn bộ [Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A]/[Các Khoản Tín Dụng] bằng hình thức tái tài trợ vốn vào bất kỳ thời điểm nào.] |
|  | * + 1. **Hủy bỏ khi hết Thời Hạn Rút Vốn**   Bất kỳ phần vốn vay nào trong [[các] Khoản Tín Dụng] mà chưa được rút sẽ tự động bị hủy bỏ khi hết Thời Hạn Rút Vốn [liên quan]. |
|  | * + 1. **Không khôi phục khoản tiền đã hủy bỏ**   Các khoản tiền đã hủy bỏ sẽ không được khôi phục lại. |
| * 1. Tiền Thu Được Từ Bảo Hiểm và Khoản Bồi Thường Do Không Đạt Tiêu Chuẩn: | * + 1. Tùy thuộc vào đoạn (b) bên dưới, (x) tiền thu được từ bảo hiểm theo các chính sách bảo hiểm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất sẽ được sử dụng để sửa chữa hoặc khôi phục tài sản bị thiệt hại, nhưng trong trường hợp số tiền thu được đó hoặc giá trị thiệt hại của Dự Án mà dẫn đến số tiền thu được liên quan lớn hơn [•] và (y) khoản bồi thường thiệt hại do không đạt tiêu chuẩn có thể được sử dụng để tái đầu tư Dự Án, trong mỗi trường hợp, chỉ nếu như:        - 1. việc sửa chữa, khôi phục hoặc tái đầu tư đó được thực hiện theo một kế hoạch được Công Ty Dự Án gửi và được Đại Lý Liên Tín Dụng phê duyệt;          2. (chỉ đối với tiền thu được từ bảo hiểm) theo ý kiến hợp lý của Đại Lý Liên Tín Dụng (sau khi tham vấn với [Bên Tư Vấn Bảo Hiểm] và [Bên Tư Vấn Kỹ Thuật]), tài sản bị thiệt hại có thể được sửa chữa hoặc khôi phục theo kế hoạch khôi phục trong thời hạn được quy định theo Các Tài Liệu Dự Án và tiền thu được từ bảo hiểm đó (cùng với bất kỳ khoản tiền nào khác khả dụng đối với Công Ty Dự Án vào lúc đó và được cam kết cấp để dùng cho mục đích sửa chữa hoặc khôi phục) là đủ để thực hiện như vậy;          3. (chỉ đối với tiền thu được từ bảo hiểm) các thu xếp theo hợp đồng để tiến hành sửa chữa hoặc khôi phục đáp ứng yêu cầu của Các Bên Cho Vay Đa Số; và          4. dựa trên một Báo Cáo Tài Chính sau khi tiến hành sửa chữa, khôi phục hoặc tái đầu tư [các Tỷ Suất sẽ không thấp hơn [*điền các mức được yêu cầu*][các mức được yêu cầu vào Ngày Kết Thúc Tài Chính][các mức được nêu trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất trước khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc thanh toán số tiền liên quan]],   và bất kỳ số tiền nào còn dư sẽ được trả trực tiếp cho Đại Lý Liên Tín Dụng để phục vụ mục đích hoàn trả trước hạn bắt buộc đối với [Các] Khoản Tín Dụng trong phạm vi cần thiết để khôi phục các Tỷ Suất về mức tối thiểu là [*điền các mức được yêu cầu*][các mức được yêu cầu vào Ngày Kết Thúc Tài Chính].   * + 1. Trừ khi Các Bên Cho Vay Đa Số đồng ý khác đi, tiền thu được từ bảo hiểm theo các chính sách bảo hiểm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất mà vượt quá [•] sẽ được trả trực tiếp cho Đại Lý Liên Tín Dụng để hoàn trả trước hạn bắt buộc đối với [Các] Khoản Tín Dụng như được quy định ở trên trong phạm vi cần thiết để khôi phục các Tỷ Suất về mức tối thiểu là [*điền các mức được yêu cầu*][các mức được yêu cầu vào Ngày Kết Thúc Tài Chính].   Không có khoản nào đã được hoàn trả trước hạn bằng tiền thu được từ bảo hiểm được cung cấp sẵn để tái rút vốn. |

1. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Các Tài Liệu Cấp Vốn: | 1. Các Tài Liệu Cấp Vốn sẽ bao gồm:    1. Thỏa Thuận Điều Khoản Chung;    2. Các Hợp Đồng Vay;    3. Văn Kiện Ủy Thác Bảo Đảm Và Liên Tín Dụng;    4. [Hợp Đồng Tài Khoản [Trong Nước/Nước Ngoài]];[[89]](#footnote-90)    5. Các Tài Liệu Bảo Đảm;    6. [các thỏa thuận trực tiếp với các bên đối tác tham gia trong Các Tài Liệu Dự Án][[90]](#footnote-91);    7. [Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ][[91]](#footnote-92);    8. Các Thỏa Thuận Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán;    9. [Các Thỏa Thuận Vay Cổ Đông;]    10. Các Văn Bản Thỏa Thuận Phí;    11. Các Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận;    12. [Các Hợp Đồng Phòng Ngừa Rủi Ro;]    13. Các Cam Kết Gia Nhập;    14. Các Xác Nhận Chuyển Giao;    15. Các Hợp Đồng Chuyển Nhượng; [và]    16. [*bất kỳ thỏa thuận nào khác liên quan đến việc tài trợ vốn Dự Án*]. |
| * 1. Các Tài Liệu Bảo Đảm[[92]](#footnote-93): | 1. Gói bảo đảm của Các Bên Cho Vay sẽ bao gồm biện pháp bảo đảm được xếp hạng đầu tiên bằng: |
|  | * 1. [toàn bộ quyền lợi của Công Ty Dự Án trong mặt bằng và tất cả công trình xây dựng, nhà xưởng cố định và máy móc gắn liền theo đó hoặc được đặt tại đó]; |
|  | * 1. [toàn bộ quyền, quyền sở hữu và quyền lợi của Công Ty Dự Án trong và đối với Các Tài Liệu Dự Án];   2. [Các Tài Khoản Dự Án] [(không bao gồm Tài Khoản Phân Chia)][[93]](#footnote-94)]; |
|  | * 1. [toàn bộ cổ phần trong Công Ty Dự Án]; |
|  | * 1. [bất kỳ Thỏa Thuận Vay Cổ Đông nào]; |
|  | * 1. [Các Hợp Đồng Phòng Ngừa Rủi Ro]; |
|  | * 1. [các bảo hiểm và tái bảo hiểm]; |
|  | * 1. [toàn bộ tài sản khác và hoạt động kinh doanh của Công Ty Dự Án]; [và] |
|  | * 1. [*khác*][[94]](#footnote-95). |

1. CÁC TÀI KHOẢN DỰ ÁN

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Các Tài Khoản Dự Án[[95]](#footnote-96): | 1. Công Ty Dự Án sẽ cần phải lập và duy trì các tài khoản dự án [trong nước và nước ngoài][[96]](#footnote-97) liên quan đến các dòng tiền của Dự Án, gồm:    1. Tài Khoản Chi Tiêu;    2. Tài Khoản Hoạt Động;    3. Tài Khoản Tiền Bồi Thường Và Bảo Hiểm;    4. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ;    5. [Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì;] và    6. Tài Khoản Phân Chia. |
| * 1. Tài Khoản Chi Tiêu[[97]](#footnote-98): | ***Thu***: Các Khoản Vay, vốn chủ sở hữu, các khoản nhận được từ các hợp đồng phòng ngừa rủi ro trước Ngày Hoàn Tất Dự Án, doanh thu dự án (nếu có) nhận được trước Ngày Hoàn Tất Dự Án [[98]](#footnote-99) và tất cả các khoản tiền khác nhận được trước Ngày Hoàn Tất Dự Án mà không cần phải chuyển vào bất kỳ tài khoản nào khác.  ***Chi***: Để thanh toán Chi Phí Dự Án (trước [Ngày Hoàn Tất Dự Án]) – sau đó bất kỳ khoản nào còn lại vào [Ngày Hoàn Tất Dự Án] sẽ được chuyển vào Tài Khoản Hoạt Động [sau khi đã dành riêng các khoản giữ lại phải trả theo Hợp Đồng Xây Dựng]. |
| * 1. Tài Khoản Hoạt Động[[99]](#footnote-100): | ***Thu***: Doanh thu Dự Án[[100]](#footnote-101), Các Khoản Vay (nếu có), các khoản tiền nhận được theo các Hợp Đồng Phòng Ngừa Rủi Ro, tiền thu được từ bảo hiểm đối với bảo hiểm tổn thất doanh thu hoặc bảo hiểm bên thứ ba (nếu hoàn lại các khoản tiền đã được Công Ty Dự Án chi trả cho các bên thứ ba), [bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại do chậm trễ hoặc bồi thường thiệt hại của nhà cung cấp nào phải trả cho Công Ty Dự Án căn cứ theo [Các Tài Liệu Dự Án] ngoại trừ trong trường hợp đã trả đối với một trách nhiệm theo hợp đồng [nhượng quyền/bao tiêu]] và tất cả các khoản tiền khác nhận được vào và kể từ [Ngày Hoàn Tất Tài Chính] mà không cần phải chuyển vào bất kỳ tài khoản nào khác.  ***Chi***: Phù hợp với Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán (xem bên dưới). |
| * 1. Tài Khoản Tiền Bồi Thường Và Bảo Hiểm: | ***Thu***: Tiền thu được từ bảo hiểm (ngoại trừ bảo hiểm tổn thất doanh thu hoặc bảo hiểm bên thứ ba)[[101]](#footnote-102) hoặc tiền bồi thường (gồm bồi thường thiệt hại do không đạt tiêu chuẩn, khoản đền bù do quốc hữu hóa/sung công và khoản bồi thường khi chấm dứt, nhưng không bao gồm khoản bồi thường thiệt hại do chậm trễ).  ***Chi***: Để sửa chữa/khôi phục/thay thế tài sản (tùy thuộc vào các ngưỡng đã được chấp thuận) và sau đó, dùng cho mục đích hoàn trả trước hạn bắt buộc. |
| * 1. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ: | ***Thu***: Kể từ [Ngày Hoàn Tất Tài Chính]/[Ngày Hoàn Tất Dự Án] cho đến ngày [Các] Khoản Tín Dụng được hoàn trả đầy đủ, Công Ty Dự Án phải bảo đảm là Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ được cấp vốn [bằng cách giữ lại tiền từ Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán, bằng cách ký quỹ hoặc bằng cách cấp khoản Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận] là một số tiền tối thiểu bằng mức trả nợ dự kiến mỗi [[] tháng] mà sẽ đến hạn và phải trả vào ngày hoàn trả tiếp theo.  ***Chi***: Để thanh toán mức chi trả nợ dự kiến (nếu số tiền khả dụng theo Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán không đủ để trả nợ).  Vào bất kỳ ngày hoàn trả nào, bất kỳ khoản tiền nào còn dư so với số dư dự phòng trả nợ được yêu cầu có thể được chuyển vào Tài Khoản Hoạt Động. |
| * 1. [Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì[[102]](#footnote-103): | ***Thu***: Công Ty Dự Án phải bảo đảm rằng chậm nhất là vào thời điểm được yêu cầu, Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì được cấp một số tiền [*nêu rõ phương pháp tính số tiền được yêu cầu*][[103]](#footnote-104) [bằng cách giữ lại các khoản tiền từ Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán, bằng cách ký quỹ hoặc bằng cách cung cấp khoản Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận].  ***Chi***: Để thanh toán các chi phí bảo trì lớn.  Vào các thời điểm thỏa thuận, bất kỳ khoản tiền nào còn dư so với số dư dự phòng thực hiện bảo trì theo yêu cầu có thể được chuyển vào Tài Khoản Hoạt Động.] |
| * 1. Tài Khoản Phân Chia[[104]](#footnote-105): | 1. ***Thu***: Từ Tài Khoản Hoạt Động phù hợp với Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán.   ***Chi***: Được tự do thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào [và Tài Khoản Phân Chia sẽ không được lấy làm biện pháp bảo đảm cấp cho Các Bên Cấp Vốn]. |
| * 1. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán[[105]](#footnote-106): | 1. Kể từ Ngày Hoàn Tất Dự Án [Dự Kiến], các khoản chi từ Tài Khoản Hoạt Động sẽ được thực hiện cho các mục đích sau đây theo thứ tự ưu tiên như sau:    1. các Chi Phí Vận Hành[[106]](#footnote-107);    2. các phí, chi phí và phí tổn của Các Bên Cấp Vốn;    3. các khoản thanh toán lãi dự kiến (bao gồm các khoản dự kiến phải trả theo các Hợp Đồng Phòng Ngừa Rủi Ro);    4. các khoản hoàn trả tiền vay gốc dự kiến (và thanh toán khi chấm dứt phòng ngừa rủi ro);    5. chuyển vào Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì để đạt được số dư yêu cầu;    6. chuyển vào Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ để đạt được số dư yêu cầu;    7. hoàn trả trước thời hạn do bị bất hợp pháp[[107]](#footnote-108);    8. [yêu cầu trả nợ từ lợi nhuận;][[108]](#footnote-109)    9. hoàn trả trước hạn tự nguyện; và    10. nếu đáp ứng Các Kiểm Tra Để Phân Chia, chuyển vào Tài Khoản Phân Chia. |
| * 1. [Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận][[109]](#footnote-110): | 1. [Đối với Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ [và Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì], một thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng phải trả khi có yêu cầu được phát hành cho Các Bên Cho Vay từ một hoặc nhiều ngân hàng (i) được thành lập tại một quốc gia thành viên của OECD [hoặc tương đương] và (ii) có hệ số tín nhiệm dài hạn tối thiểu là [•] (theo đánh giá của S&P hoặc Fitch) hoặc [•] (theo đánh giá của Moody's) hoặc tương đương vào từng thời điểm, với điều kiện là:    1. thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng đó theo mẫu được Các Bên Cho Vay chấp nhận, là vô điều kiện và phải trả khi có yêu cầu;    2. thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng đó là không thể truy đòi đối với Công Ty Dự Án hoặc tài sản của Công Ty Dự Án;    3. Công Ty Dự Án không có nghĩa vụ gì liên quan đến chi phí thu xếp có được thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng; và    4. thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng đó có thời hạn tối thiểu là 364 ngày kể từ ngày phát hành. |
| * 1. Các Kiểm Tra Để Phân Chia: | 1. Phụ thuộc vào việc các điều kiện nêu dưới đây được đáp ứng, có thể tiến hành chuyển tiền từ Tài Khoản Hoạt Động sang Tài Khoản Phân Chia phù hợp với Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán:    1. Tỷ Suất DSCR[[110]](#footnote-111) cao hơn [•];    2. [Hệ Số LLCR cao hơn [•];][[111]](#footnote-112)    3. [đã xảy ra ngày hoàn trả đầu tiên của Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A;]    4. đã xảy ra [Ngày Hoàn Tất Dự Án]/[Ngày Hoàn Tất Tài Chính];    5. Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ [và Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì] có đầy đủ tiền [dưới dạng tiền mặt hoặc bằng hình thức Hỗ Trợ Tín Dụng Được Chấp Nhận];    6. Công Ty Dự Án đã thực hiện tất cả các khoản hoàn trả trước hạn bắt buộc còn chưa thanh toán vào thời điểm đó;    7. việc thanh toán bị hạn chế được cho phép theo pháp luật hiện hành; và    8. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh do thực hiện việc chuyển tiền liên quan như nêu trên. |
|  | 1. Việc chuyển tiền vào Tài Khoản Phân Chia phải được thực hiện trong vòng [30] Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn trả và số tiền được chuyển không được vượt quá khoản tiền nào thấp hơn trong số hai khoản tiền gồm khoản tiền ở bên có của Tài Khoản Hoạt Động vào Ngày Hoàn Trả liên quan (sau khi thanh toán mọi khoản tiền được ưu tiên thanh toán hơn) và khoản tiền ở bên có của Tài Khoản Hoạt Động vào ngày chuyển tiền. |

1. MÔ HÌNH TÀI CHÍNH, BẢN DỰ BÁO, CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC TỶ SUẤT[[112]](#footnote-113)

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Mô Hình Tài Chính: | * 1. Mô Hình Tài Chính sẽ được thỏa thuận giữa Công Ty Dự Án và Đại Lý Liên Tín Dụng (với dữ liệu được cung cấp từ Bên Kiểm Tra Mô Hình) vào Ngày Ký và sẽ được căn cứ trên các giả định về xây dựng và vận hành được Đại Lý Liên Tín Dụng chấp thuận (với dữ liệu được cung cấp từ Bên Tư Vấn Kỹ Thuật). Công Ty Dự Án sẽ duy trì Mô Hình Tài Chính.   2. Công Ty Dự Án chỉ có thể điều chỉnh Mô Hình Tài Chính khi được Đại Lý Liên Tín Dụng chấp thuận trước (hành động theo chỉ thị của Các Bên Cho Vay Đa Số).   3. Mỗi Bên trong số Công Ty Dự Án hoặc Đại Lý Liên Tín Dụng có thể đề xuất các thay đổi về cấu trúc đối với Mô Hình Tài Chính (kèm theo lý do đề xuất), với điều kiện là, trong trường hợp của Đại Lý Liên Tín Dụng, chỉ nhằm mục đích sửa lại cho đúng bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào hoặc điều chỉnh bất kỳ công thức, lôgic hoặc phương pháp nào dùng để thực hiện các tính toán theo Các Tài Liệu Cấp Vốn, và bất kỳ thay đổi đã được chấp thuận nào sẽ được thể hiện trong Mô Hình Tài Chính. |
| * 1. Bản Dự Báo[[113]](#footnote-114): | * 1. Các số liệu dự báo tài chính được lập bằng Mô Hình Tài Chính vào Ngày Ký, được sửa đổi nhằm đưa vào bất kỳ nội dung điều chỉnh nào của Công Ty Dự Án và được Đại Lý Liên Tín Dụng chấp thuận để bao gồm bất kỳ giả định nào được cập nhật theo phương thức nêu tại đoạn (b) bên dưới trước mỗi Ngày Tính Toán.   2. Việc cập nhật các giả định có thể thực hiện như sau:   [*Phương thức cập nhật các giả định sẽ được thông qua sau*][[114]](#footnote-115). |
| * 1. Báo Cáo Tài Chính[[115]](#footnote-116): | * 1. Công Ty Dự Án sẽ gửi cho Đại Lý Liên Tín Dụng một dự thảo Báo Cáo Tài Chính (theo hình thức được thỏa thuận trước Ngày Ký) [trước][sau] mỗi Ngày Tính Toán.   2. Mỗi bản thảo Báo Cáo Tài Chính sẽ:      1. chứa dữ liệu tính toán của mỗi Tỷ Suất vào Ngày Tính Toán liên quan;      2. đính kèm Bản Dự Báo được cập nhật và danh sách tất cả các giả định mà Bản Dự Báo được cập nhật đã được căn cứ vào đó;      3. xác định bất kỳ số tiền nào được cho phép theo Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán để được chuyển từ Tài Khoản Hoạt Động vào Tài Khoản Phân Chia, và xác nhận rằng việc chuyển tiền đó đã đáp ứng Các Kiểm Tra Để Phân Chia; và      4. nêu rõ chi tiết hợp lý về tính chất và số tiền của mỗi yếu tố thành phần của mỗi Tỷ Suất. |
| * 1. Ngày Tính Toán:[[116]](#footnote-117) | Ngày Hoàn Tất Dự Án, mỗi Ngày Hoàn Trả và [*điền các ngày khác nếu cần*][[117]](#footnote-118). |
| * 1. Các Tỷ Suất:[[118]](#footnote-119) | * 1. Tỷ Suất Đảm Bảo Trả Nợ (“**DSCR**”)      + - 1. *Tỷ Suất* *DSCR* *Lịch Sử*[[119]](#footnote-120)   Đối với khoảng thời gian [sáu/12 tháng] trước một Ngày Tính Toán [(hoặc, trong trường hợp Ngày Tính Toán đầu tiên sau ngày Vận Hành Dự Án, khoảng thời gian tính từ Ngày Vận Hành Dự Án cho đến Ngày Tính Toán đó)], tỷ lệ của:   1. Dòng Tiền Có Sẵn trong khoảng thời gian đó; chia cho 2. Mức Trả Nợ [bao gồm các khoản tiền phải trả đối với Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động (trong trường hợp không có sẵn để được rút vốn lại)] phải trả trong khoảng thời gian đó.    * + - 1. [*Tỷ Suất* *DSCR Dự Báo*   Đối với khoảng thời gian [sáu/12 tháng] sau một Ngày Tính Toán, là tỷ lệ của:   1. Dòng Tiền Có Sẵn được dự báo trong khoảng thời gian đó; chia cho 2. Mức Trả Nợ được dự báo [bao gồm các khoản tiền phải trả đối với Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động (trong trường hợp không có sẵn để được rút vốn lại)][[120]](#footnote-121) phải trả trong khoảng thời gian đó.][[121]](#footnote-122)    * 1. [Hệ Số Năng Lực Trả Nợ (“**Hệ Số** **LLCR**”)   Vào một Ngày Tính Toán, là tỷ lệ của:   * + - * 1. Dòng Tiền Chiết Khấu[[122]](#footnote-123) cho Mức Trả Nợ cộng với bất kỳ số dư tiền mặt nào hoặc các thư tín dụng hoặc bảo lãnh ngân hàng ở bên có của [Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ] [và] [Tài Khoản Hoạt Động] (không tính hai lần) vào Ngày Tính Toán đó; chia cho         2. tổng các khoản tiền còn nợ của [[Các] Khoản Tín Dụng] vào Ngày Tính Toán đó,   trong mỗi trường hợp, đã tính đến tất cả các khoản tiền sẽ được hoàn trả vào Ngày Tính Toán đó.][[123]](#footnote-124)  Mỗi Tỷ Suất sẽ được kiểm tra bằng cách sử dụng Bản Dự Báo được cập nhật mới nhất theo thỏa thuận giữa Bên Vay và Đại Lý Liên Tín Dụng. |
| * 1. [Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu: | * + 1. Nếu một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra do Tỷ Suất DSCR Lịch Sử vào một Ngày Tính Toán thấp hơn []:1, Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông có thể (nhưng không bắt buộc phải) ngăn chặn hoặc khắc phục Sự Kiện Vi Phạm đó bằng cách thu xếp có thêm phần vốn góp vào Vốn Chủ Sở Hữu của Bên Vay sao cho, sau khi tính toán lại theo mục (b) bên dưới, Tỷ Suất DSCR Lịch Sử tối thiểu phải là []:1 (“**Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu**”).     2. Tỷ Suất DSCR Lịch Sử sẽ được tính hoặc tính lại cho Kỳ Tính Toán liên quan như thể [*điền cách thức Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu nên được sử dụng*] [bởi một khoản tiền bằng với số Vốn Chủ Sở Hữu tăng thêm mà Bên Vay đã nhận vào ngày đầu tiên của Kỳ Tính Toán đó].[[124]](#footnote-125)     3. Một Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu sẽ tùy thuộc vào các điều kiện sau đây: (i) Bên Vay thông báo cho Đại Lý Liên Tín Dụng về việc Bên Vay dự định thu xếp có một Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu trong vòng [] ngày kể từ Ngày Tính Toán liên quan; (ii) Bên Vay nhận Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu trong vòng [] ngày kể từ Ngày Tính Toán liên quan; (iii) Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông không được quyền thu xếp để có các Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu đối với [] lần không tuân thủ liên tiếp hoặc tổng cộng [] lần không tuân thủ riêng biệt; và (iv) không có việc công bố hay chi trả cổ tức hay khoản phân chia hoặc hoàn trả khoản vay cổ đông sẽ được cho phép đối với bất kỳ Ngày Tính Toán nào có một Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu được thực hiện.] |

1. CÁC CAM ĐOAN, CAM KẾT VÀ SỰ KIỆN VI PHẠM

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Các cam đoan: | Bên Vay sẽ đưa ra các cam đoan như thường thấy đối với các khoản tín dụng thuộc loại này (tùy thuộc vào tính trọng yếu hoặc các tiêu chuẩn và ngoại lệ khác được chấp thuận) vào ngày của Thỏa Thuận và [trong trường hợp từ ( ) đến ( ) (“**Các Cam Đoan Được Lặp Lại**”)][[125]](#footnote-126) vào ngày của mỗi Đề Nghị Rút Vốn, Ngày Kết Thúc Tài Chính, mỗi Ngày Rút Vốn và ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi, bao gồm:[[126]](#footnote-127) [[127]](#footnote-128) |
|  | * + 1. tư cách; |
|  | * + 1. các nghĩa vụ ràng buộc; |
|  | * + 1. không mâu thuẫn với các nghĩa vụ khác; |
|  | * + 1. quyền hạn và thẩm quyền; |
|  | * + 1. hiệu lực và tính được thừa nhận làm bằng chứng; |
|  | * + 1. luật điều chỉnh và tính thi hành; |
|  | * + 1. Các Tài Liệu Giao Dịch có chứa các điều khoản trọng yếu của Dự Án và đang có đầy đủ giá trị và hiệu lực; |
|  | * + 1. không có hoạt động kinh doanh hoặc thỏa thuận nào khác; |
|  | * + 1. biện pháp bảo đảm: (i) không xác lập biện pháp bảo đảm bằng bất kỳ tài sản nào của Bên Vay ngoại trừ biện pháp bảo đảm được xác lập bởi Các Tài Liệu Bảo Đảm; (ii) xếp hạng của biện pháp bảo đảm; (iii) được xác lập hợp pháp; (iv) quyền sở hữu đầy đủ và có thể chuyển nhượng; (v) quyền sở hữu hợp pháp và thụ hưởng; (vi) các cổ phần không phụ thuộc vào bất kỳ quyền chọn nào hoặc các quyền tương tự; và (vii) không có quan hệ tín thác hoặc đại lý; |
|  | * + 1. các chấp thuận/cho phép; |
|  | * + 1. mất khả năng thanh toán; |
|  | * + 1. thuế: (i) không có nộp tờ khai hoặc phí chứng từ thuế; (ii) không khấu trừ thuế; (iii) tuân thủ quy định về thuế và không có khiếu nại thuế; và (v) tình trạng cư trú thuế; |
|  | * + 1. không có nợ tài chính; |
|  | * + 1. không có vi phạm [hoặc sự kiện bất lợi khác]; |
|  | * + 1. không có thông tin sai lệch; |
|  | * + 1. báo cáo tài chính; |
|  | * + 1. Mô Hình Tài Chính (được lập một cách hợp lệ và thống nhất với các ngân sách); |
|  | * + 1. xếp hạng *ngang bằng nhau*; |
|  | * + 1. không có thủ tục tố tụng nào đang chờ tiến hành hoặc có nguy cơ tiến hành; |
|  | * + 1. tuân thủ pháp luật về môi trường và không có khiếu nại về môi trường[[128]](#footnote-129);     2. các bảo hiểm có đầy đủ giá trị và hiệu lực (và tuân thủ bảo hiểm);     3. [quyền sở hữu tài sản][[129]](#footnote-130);     4. sở hữu trí tuệ;     5. [không có quyền miễn trừ đối với vụ kiện, việc thi hành, tịch biên hoặc quy trình pháp lý khác][[130]](#footnote-131);     6. [các hành động thương mại riêng tư];     7. [không có sự kiện bất khả kháng][[131]](#footnote-132);     8. quyền sở hữu và không có công ty con;     9. tuân thủ pháp luật áp dụng và các tiêu chuẩn hiện hành của ngành;     10. không hối lộ/tham nhũng;     11. không dính líu đến khủng bố hoặc rửa tiền;     12. các lệnh trừng phạt; [và] |
|  | * + 1. [*khác*]. |
| * 1. Các Cam Kết về Thông Tin: | Công Ty Dự Án sẽ cung cấp mỗi văn bản sau đây (không giới hạn ở các văn bản sau đây):  ***Báo cáo tài chính*** |
|  | * + 1. trong thời gian sớm nhất ngay sau khi báo cáo này đã sẵn sàng nhưng trong mọi trường hợp là trong vòng [] ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính của Bên Vay, báo cáo tài chính đã kiểm toán [đã hợp nhất] của Bên Vay [cũng như của mỗi Cổ Đông/Bên Tài Trợ/[Bên Chính Tham Gia Dự Án]][[132]](#footnote-133); |
|  | * + 1. trong thời gian sớm nhất ngay sau khi báo cáo này đã sẵn sàng nhưng trong mọi trường hợp là trong vòng [] ngày kể từ khi kết thúc nửa năm tài chính của Bên Vay, báo cáo tài chính hợp nhất chưa kiểm toán của Bên Vay [cũng như của mỗi Cổ Đông/Bên Tài Trợ/[Bên Chính Tham Gia Dự Án]]; |
|  | * + 1. [trong thời gian sớm nhất ngay sau khi báo cáo này đã sẵn sàng nhưng trong mọi trường hợp là trong vòng [] ngày kể từ khi kết thúc mỗi [quý của mỗi năm tài chính]/[tháng] của Bên Vay, báo cáo tài chính/báo cáo quản trị cho kỳ liên quan][[133]](#footnote-134); và     2. kèm theo mỗi bộ báo cáo tài chính hợp nhất là một văn bản xác nhận tuân thủ do hai giám đốc của Công Ty Dự Án ký [và, trong trường hợp báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, [được báo cáo bởi các kiểm toán viên của [Công Ty Dự Án] [*điền (các) bên liên quan*] theo mẫu được Công Ty Dự Án và Các Bên Cho Vay chấp thuận trước ngày của Thỏa Thuận]/[được ký bởi các kiểm toán viên của [Công Ty Dự Án][*điền (các) bên liên quan*]]; |
|  | 1. ***Các báo cáo về Dự Án***    * 1. các báo cáo xây dựng [hàng tháng] / [hàng quý] (về tiến độ và chi phí so với ngân sách) [theo mẫu thỏa thuận][[134]](#footnote-135);      2. [các báo cáo về môi trường][[135]](#footnote-136);      3. các báo cáo vận hành [hàng quý] / [mỗi nửa năm] (gồm hiệu quả hoạt động và chi phí so với ngân sách) [theo mẫu thỏa thuận]; 2. ***Các ngân sách[[136]](#footnote-137)***    * 1. ngân sách xây dựng và hoạt động; 3. ***Mô Hình Tài Chính và các Báo Cáo Tài Chính***    * 1. việc duy trì và điều chỉnh đối với Mô Hình Tài Chính (xem phần “Mô Hình Tài Chính” bên trên);      2. gửi các Báo Cáo Tài Chính (cùng quy trình phê duyệt và tranh chấp); 4. ***Các thông tin khác*** |
|  | * + 1. [thuyết trình của ban lãnh đạo;]     2. thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng quan trọng nào, phân xử trọng tài hoặc thủ tục tố tụng hành chính hoặc phán quyết trọng yếu (hiện tại, có nguy cơ xảy ra hoặc đang chờ tiến hành); |
|  | * + 1. bản sao của các bản sửa đổi đối với, cũng như các thông báo quan trọng được đưa ra liên quan đến Các Tài Liệu Dự Án, các bảo hiểm và các chấp thuận/sự cho phép;     2. các thông tin và tài liệu liên quan đến bảo hiểm;     3. thông báo về Vi Phạm;     4. thông báo về sự kiện bất khả kháng;     5. [thông báo về các sự kiện cụ thể, chẳng hạn như các sự kiện có thể ảnh hưởng đến các chấp thuận/sự cho phép, việc đình công, sự kiện liên quan đến tổn thất hoặc thiệt hại tài sản hoặc dẫn đến khoản bồi thường, các thông báo về môi trường và xã hội[[137]](#footnote-138)];     6. [thông báo về thay đổi bất lợi nghiêm trọng[[138]](#footnote-139)];     7. [thông báo về bất kỳ thay đổi nào đối với quyền lợi của một [Cổ Đông/Bên Tài Trợ] trong Công Ty Dự Án];     8. [khi có yêu cầu (và với thông báo hợp lý), cho phép Các Bên Cấp Vốn (cùng các bên tư vấn và bên đại diện của họ) ra vào và kiểm tra địa điểm Dự Án và các mặt bằng, và cấp quyền tiếp cận với các nhân viên, đại diện và người lao động của Bên Vay lên đến (trước Ngày Hoàn Tất Dự Án) [●] lần và (sau Ngày Hoàn Tất Dự Án) [●] lần trong mỗi năm dương lịch và khi có một Vi Phạm đang tiếp diễn];     9. các thông tin khác về tình hình tài chính, kinh doanh và hoạt động của Công Ty Dự Án[, Các Cổ Đông] [và] [Các Bên Tài Trợ] hoặc Dự Án mà một Bên Cấp Vốn có thể yêu cầu hợp lý; |
|  | * + 1. khi có yêu cầu, một văn bản xác nhận của các giám đốc là không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn;     2. thông báo thay đổi người ký tên được ủy quyền của Công Ty Dự Án[, Các Cổ Đông] [và] [Các Bên Tài Trợ] được ký bởi một giám đốc và thư ký công ty của bên liên quan, và trong đó có chữ ký mẫu của những người ký tên được ủy quyền mới; và |
|  | * + 1. tất cả văn bản mà Công Ty Dự Án gửi cho các cổ đông của mình (hoặc bất kỳ loại cổ đông nào) hoặc các chủ nợ của mình nói chung. |
|  | Khi có yêu cầu của Đại Lý Liên Tín Dụng hoặc một Bên Cấp Vốn, Công Ty Dự Án và mỗi [Cổ Đông][Bên Tài Trợ] phải nhanh chóng cung cấp các văn bản và bằng chứng khác được yêu cầu hợp lý bởi Đại Lý Liên Tín Dụng (cho chính mình và thay mặt cho Bên Cấp Vốn khác) hoặc bởi một Bên Cấp Vốn (hoặc Bên Cấp Vốn mới tiềm năng) để Đại Lý Liên Tín Dụng hoặc Bên Cấp Vốn (hoặc Bên Cấp Vốn mới tiềm năng) thực hiện tất cả các kiểm tra về “nhận biết khách hàng” hoặc các kiểm tra khác liên quan đến các giao dịch được dự liệu trong Các Tài Liệu Cấp Vốn và hài lòng với các kết quả thu được từ các kiểm tra đó. |
|  | [Công Ty Dự Án có thể thực hiện nghĩa vụ gửi thông tin bằng cách đăng tải thông tin trên một trang thông tin điện tử cho Các Bên Cấp Vốn đã chấp nhận hình thức đăng tải thông tin như vậy.] |
| * 1. Các Cam Kết Chung: | Các cam kết như thường thấy đối với các khoản tín dụng thuộc loại này (tùy thuộc vào tính trọng yếu hoặc các tiêu chuẩn và ngoại lệ khác được chấp thuận) sẽ được đưa vào Thỏa Thuận liên quan đến Công Ty Dự Án [và, nếu phù hợp, liên quan đến Các Cổ Đông/Các Bên Tài Trợ][[139]](#footnote-140), bao gồm (nhưng không giới hạn):[[140]](#footnote-141) [[141]](#footnote-142) |
|  | 1. ***Cam kết về các việc cần thực hiện***    1. duy trì tư cách;    2. các chấp thuận/cho phép; |
|  | * 1. tuân thủ pháp luật; |
|  | * 1. duy trì bảo hiểm (bao gồm bảo đảm công bố đủ thông tin);   2. tuân thủ pháp luật về môi trường[[142]](#footnote-143) và các yêu cầu về môi trường;   3. tuân thủ pháp luật về chống tham nhũng, chống khủng bố và pháp luật về chống rửa tiền;   4. tuân thủ các lệnh trừng phạt hiện hành;   5. tuân thủ pháp luật về thuế và duy trì tình trạng cư trú về thuế;   6. thực hiện các quyền (duy trì và thi hành các quyền)[[143]](#footnote-144);   7. xếp hạng *ngang bằng nhau*; |
|  | * 1. hành động theo các Quyền Quyết Định Được Bảo Lưu[[144]](#footnote-145);   2. [tham gia các thu xếp phòng ngừa rủi ro];   3. thiết kế (nếu phù hợp), xây dựng/vận hành và duy trì Dự Án phù hợp với pháp luật, các chấp thuận, Các Tài Liệu Giao Dịch và thực hành tốt của ngành;   4. sở hữu trí tuệ;   5. tiếp cận và kiểm tra;   6. duy trì hồ sơ sổ sách;   7. giữ gìn tài sản, bất động sản và sở hữu trí tuệ;   8. bảo đảm thêm liên quan đến biện pháp bảo đảm giao dịch;   9. nỗ lực tối đa để đạt được Ngày Hoàn Tất Dự Án chậm nhất vào Ngày Hoàn Tất Dự Án Dự Kiến;   10. nộp kế hoạch khắc phục cho các chậm trễ hoặc Khoản Cấp Vốn Còn Thiếu;   11. hỗ trợ trong giao dịch cho vay hợp vốn; [và]   12. [*khác*].  1. ***Cam kết về các việc không được thực hiện***    1. không tiến hành hoạt động kinh doanh khác;    2. không có các hợp đồng khác[[145]](#footnote-146);    3. các hạn chế về phát hành cổ phần, mua lại, giảm, hủy bỏ cổ phần;    4. không cầm cố; |
|  | * 1. hạn chế về nợ tài chính;   2. hạn chế về vay vốn và bảo lãnh;   3. hạn chế về việc định đoạt; |
|  | * 1. hạn chế về việc sáp nhập; |
|  | * 1. hạn chế về việc mua bán;   2. hạn chế về thay đổi doanh nghiệp (kết thúc năm tài chính, các tài liệu thành lập, phát hành hoặc thay đổi cổ phần);   3. [không sửa đổi/thay đổi/chấm dứt các hợp đồng][[146]](#footnote-147);   4. không có khoản chi ngoài ngân sách [vượt quá [•]% của ngân sách liên quan];   5. không ngưng/bỏ dở Dự Án;   6. [không từ bỏ/xử lý/thỏa hiệp các yêu cầu thanh toán vượt quá một ngưỡng nhất định][[147]](#footnote-148);   7. hạn chế về công bố hoặc chi trả cổ tức hay khoản phân chia hoặc hoàn trả vốn vay cổ đông[[148]](#footnote-149);   8. hạn chế về mở và duy trì tài khoản ngân hàng;   9. hạn chế về khẳng định có quyền miễn trừ; [và]   10. [*khác*]. |
| * 1. Các Sự Kiện Vi Phạm: | Các sự kiện vi phạm như thường thấy đối với các khoản tín dụng thuộc loại này sẽ được đưa vào Thỏa Thuận đối với Công Ty Dự Án (tùy thuộc vào tính trọng yếu hoặc các tiêu chuẩn khác, thời gian ân hạn và các ngoại lệ được chấp thuận) [(bao gồm nhưng không giới hạn)]: [[149]](#footnote-150) |
|  | * + 1. không thanh toán trừ khi việc không thanh toán đó là do một lỗi hành chính hoặc lỗi kỹ thuật và đã thực hiện thanh toán trong vòng [ba] Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn; |
|  | * + 1. vào bất kỳ Ngày Tính Toán nào, Tỷ Suất DSCR Lịch Sử thấp hơn []; |
|  | * + 1. không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác có thời hạn khắc phục đã thỏa thuận trước trong trường hợp có thể khắc phục được; |
|  | * + 1. cam đoan sai mà có thời hạn khắc phục đã thỏa thuận trước trong trường hợp có thể khắc phục được; |
|  | * + 1. chấm dứt (hoặc thông báo không hủy ngang về việc chấm dứt), đình chỉ, thu hồi [hoặc vi phạm nghiêm trọng] Các Tài Liệu Dự Án hoặc Các Tài Liệu Cấp Vốn ngoại trừ bất kỳ Tài Liệu Dự Án hoặc Tài Liệu Cấp Vốn nào đã được thực hiện xong hoặc các chấp thuận/cho phép;     2. vi phạm chéo [liên quan đến: Các Bên Chính Tham Gia Dự Án]/[Công Ty Dự Án, Các Bên Tài Trợ [và Các Cổ Đông]] [, tùy thuộc vào các ngưỡng được chấp thuận]; |
|  | * + 1. mất khả năng thanh toán [liên quan đến: Các Bên Chính Tham Gia Dự Án]/[Công Ty Dự Án, Các Bên Tài Trợ [và Các Cổ Đông]]; |
|  | * + 1. thủ tục phá sản [liên quan đến: Các Bên Chính Tham Gia Dự Án]/[Công Ty Dự Án, Các Bên Tài Trợ [và Các Cổ Đông]]; |
|  | * + 1. quy trình xử lý của chủ nợ [liên quan đến: Các Bên Chính Tham Gia Dự Án]/[Công Ty Dự Án, Các Bên Tài Trợ [và Các Cổ Đông]]; |
|  | * + 1. tính bất hợp pháp và tính vô hiệu;     2. [quyền sở hữu của Công Ty Dự Án;][[150]](#footnote-151) |
|  | * + 1. bác bỏ; |
|  | * + 1. [sự can thiệp của chính phủ], quốc hữu hóa hoặc sung công Dự Án hoặc cổ phần trong Công Ty Dự Án; |
|  | * + 1. tính bất hợp pháp hoặc tính vô hiệu của bảo đảm giao dịch;     2. [Ngày Hoàn Tất Dự Án]/[Ngày Hoàn Tất Tài Chính] chưa xảy ra chậm nhất vào [Ngày Hoàn Tất Dự Án]/[Ngày Hoàn Tất Tài Chính] Hạn Chót [, hoặc theo ý kiến [hợp lý] của Bên Tư Vấn Kỹ Thuật là sẽ không xảy ra chậm nhất vào ngày nói trên và Bên Vay chưa đưa ra được kế hoạch khắc phục được chấp nhận]; |
|  | * + 1. Dự Án bị bỏ dở hoặc phá hủy toàn bộ hoặc một phần lớn [và trong chừng mực hợp lý thì không thể khôi phục được theo kế hoạch khắc phục][[151]](#footnote-152);     2. bảo hiểm bị bác bỏ hoặc đình chỉ;     3. quyền sở hữu tài sản; |
|  | * + 1. [*điền bất kỳ sự kiện vi phạm nào liên quan đến môi trường và xã hội*];     2. [công ty bị tuyên bố theo Phần IX của Đạo Luật Công Ty Singapore];     3. thay đổi bất lợi nghiêm trọng[[152]](#footnote-153); [và] |
|  | * + 1. [*khác*].[[153]](#footnote-154) |

1. CÁC VẤN ĐỀ VỀ LIÊN TÍN DỤNG[[154]](#footnote-155)

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Các Bên Cho Vay Đa Số: | * + 1. Từ [66 2/3]% trở lên trong Tổng Cam Kết.     2. Các quy định đòi hỏi phải có chấp thuận của toàn bộ Bên Cho Vay đối với một số sửa đổi và từ bỏ theo thông lệ sẽ được đưa vào. |
| * 1. Các Bên Cho Vay Chuyển nhượng và[[155]](#footnote-156) Chuyển giao:[[156]](#footnote-157) | * + 1. Một Bên Cho Vay có thể chuyển nhượng bất kỳ quyền nào của mình hoặc chuyển giao, theo phương thức chuyển giao quyền và nghĩa vụ của một bên trong hợp đồng (*novation*), bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình, cho một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác, hoặc cho một quỹ tín thác, quỹ hoặc tổ chức khác thường tham gia hoặc được thành lập nhằm mục đích cho vay, mua hoặc đầu tư vào các khoản vay, chứng khoán hoặc các tài sản tài chính khác. |
|  | * + 1. [Bên Cho Vay dự kiến chuyển nhượng hoặc chuyển giao phải [tham vấn với Công Ty Dự Án tối đa [•] ngày trước khi tiến hành chuyển nhượng hoặc chuyển giao]/[được Công Ty Dự Án chấp thuận trước đối với việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao, và sự chấp thuận này sẽ không bị kiềm giữ hoặc trì hoãn đưa ra một cách vô lý và sẽ được xem là đã được đưa ra nếu không có thông báo từ chối một cách rõ ràng trong vòng [năm] Ngày Làm Việc kể từ khi có yêu cầu, trừ trường hợp chuyển nhượng hoặc chuyển giao:        - 1. cho một Bên Cho Vay khác hoặc một Công Ty Liên Kết của một Bên Cho Vay;          2. trong trường hợp Bên Cho Vay là một quỹ, cho một quỹ khác là Quỹ Liên Quan của Bên Cho Vay đó;          3. được thực hiện khi một Sự Kiện Vi Phạm đang tiếp diễn; [hoặc          4. được thực hiện cho một đơn vị có tên trong danh sách bên cho vay mới đã được phê duyệt trước (sẽ được thỏa thuận trước Ngày Ký).]] |
| * 1. [Thay thế Bên Cho Vay: | Cơ chế sẽ được quy định trong Các Tài Liệu Cấp Vốn, theo đó tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, Công Ty Dự Án có thể thay thế:   * 1. một Bên Cho Vay đã không chấp thuận một việc từ bỏ hoặc sửa đổi đòi hỏi phải có sự chấp thuận của toàn bộ Các Bên Cho Vay, trong khi Các Bên Cho Vay nắm giữ tổng cộng [•]% Tổng Cam Kết đã chấp thuận; và/hoặc   2. một Bên Cho Vay mà Công Ty Dự Án trở thành có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bên Cho Vay này một số tiền căn cứ theo các quy định về tính bất hợp pháp, chi phí tăng lên hoặc cộng gộp thuế cao hơn các số tiền phải trả cho Các Bên Cho Vay khác nói chung.] |
| * 1. Các Bên Cho Vay Vi Phạm: | Các Tài Liệu Cấp Vốn sẽ có các quy định được đề xuất bởi Hiệp Hội Thị Trường Tín Dụng liên quan đến:   * 1. Các Bên Cho Vay Vi Phạm, bao gồm quyền để hủy bỏ cam kết, tước quyền của Bên Cho Vay Vi Phạm [và quyền thay thế][[157]](#footnote-158); và   2. Các Đại Lý Vi Phạm, bao gồm quyền thay thế của các bên cho vay và các quy định thay thế về thanh toán. |

1. CÁC ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

|  |  |
| --- | --- |
| * 1. Các Điều Kiện Tiên Quyết đối với lần rút vốn đầu tiên[[158]](#footnote-159) [[159]](#footnote-160): | Bao gồm các văn bản sau, có hình thức và nội dung đáp ứng yêu cầu của Đại Lý Liên Tín Dụng:  ***Thẩm quyền doanh nghiệp***   * 1. bản sao có chứng thực của các văn kiện thành lập [của mỗi Bên Chính Tham Gia Dự Án][[160]](#footnote-161);   2. bản sao có chứng thực của các nghị quyết của hội đồng [và của cổ đông, nếu cần][[161]](#footnote-162) của [mỗi Bên Chính Tham Gia Dự Án][[162]](#footnote-163);   3. chữ ký mẫu của [mỗi Bên Chính Tham Gia Dự Án][[163]](#footnote-164);   4. xác nhận vay vốn/bảo lãnh từ Công Ty Dự Án [và mỗi Cổ Đông/Bên Tài Trợ];   ***Các Tài Liệu Giao Dịch***   * 1. bản sao có chứng thực của tất cả Các Tài Liệu Dự Án (được ký hợp lệ, có đầy đủ giá trị và hiệu lực);   2. bản gốc của tất cả Các Tài Liệu Cấp Vốn[[164]](#footnote-165) (được ký hợp lệ, có đầy đủ giá trị và hiệu lực);   3. bằng chứng rằng tất cả các thủ tục để Các Tài Liệu Bảo Đảm có hiệu lực đều đã được thực hiện (gồm đăng ký và nộp hồ sơ, nộp lệ phí chứng từ, phí đăng ký hoặc các khoản thuế/phí tương tự, giao các giấy chứng nhận cổ phần, các thông báo và xác nhận chuyển nhượng);   4. đã nhận được tất cả các chấp thuận[[165]](#footnote-166) cho Dự Án và đều là vô điều kiện (hoặc nếu có điều kiện thì các điều kiện đó đã được đáp ứng hoặc miễn thực hiện) và có đầy đủ giá trị và hiệu lực;   ***Bảo hiểm***   * 1. bằng chứng rằng tất cả bảo hiểm [và tái bảo hiểm][[166]](#footnote-167) trong giai đoạn xây dựng đều có đầy đủ giá trị và hiệu lực;   2. bản sao cam kết của bên môi giới bảo hiểm đã được ký hợp lệ, theo mẫu thỏa thuận;   ***Các báo cáo của Bên Tư Vấn***   * 1. một bản sao của [*báo* *cáo của mỗi Bên Tư Vấn sẽ được liệt kê sau*][[167]](#footnote-168);   2. [một bản sao thư chỉ định của mỗi Bên Tư Vấn];   ***Các ý kiến pháp lý***   * 1. [các] ý kiến tư vấn pháp lý của [][[168]](#footnote-169);   ***Môi trường và xã hội***   * 1. một bản sao của tất cả các văn bản về môi trường và xã hội (ví dụ như báo cáo đánh giá tác động, kế hoạch quản lý, báo cáo giám sát hàng năm), tất cả đều theo mẫu được Bên Tư Vấn Môi Trường và Xã Hội phê duyệt[[169]](#footnote-170);   ***Mô Hình Tài Chính và các ngân sách***   * 1. bản sao của Mô Hình Tài Chính và Bản Dự Báo[[170]](#footnote-171);   2. một Báo Cáo Tài Chính chứng minh việc đảm bảo [*điền các tỷ suất tài chính liên quan:* *Hệ Số LLCR; Tỷ Suất* *DSCR dự báo cho mỗi kỳ* [] *tháng*]*;*   3. bản sao của ngân sách xây dựng ban đầu và [(mẫu của)] ngân sách hoạt động ban đầu;[[171]](#footnote-172)   ***Báo cáo tài chính***   * 1. các báo cáo tài chính liên quan đến Công Ty Dự Án[[172]](#footnote-173) [và Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông/Các Bên Chính Tham Gia Dự Án[[173]](#footnote-174)];   ***Phòng ngừa rủi ro***   * 1. bản sao có chứng thực của bất kỳ hợp đồng phòng ngừa rủi ro nào đã được giao kết;   ***Tài liệu về quyền sở hữu***   * 1. bản sao của tất cả tài liệu liên quan đến địa điểm Dự Án (ví dụ như các văn bản về quyền sở hữu, khảo sát địa điểm);   ***Đại diện nhận tống đạt***   * 1. bằng chứng về việc chỉ định đại diện nhận tống đạt[[174]](#footnote-175);   ***Tài khoản của Dự Án***   * 1. bằng chứng là các Tài Khoản Dự Án đã được mở và tiếp tục được duy trì với (các) Ngân Hàng Mở Tài Khoản;   ***Góp Vốn Chủ Sở Hữu***   * 1. bằng chứng là [phần Vốn Chủ Sở Hữu Góp Trước đã được góp đầy đủ]; [và]   ***Khác***   * 1. bằng chứng về việc thanh toán tất cả các khoản phí, chi phí và phí tổn mà Công Ty Dự Án phải thanh toán vào thời điểm đó theo [Các Tài Liệu Cấp Vốn], hoặc các khoản phí, chi phí và phí tổn đó sẽ được thanh toán từ nguồn tiền của lần rút vốn đầu tiên của [Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A][[175]](#footnote-176); [và]   2. [một bản sao của bất kỳ văn bản, chấp thuận, ý kiến hoặc bảo đảm nào khác được Đại Lý Liên Tín Dụng xác định][[176]](#footnote-177). |
| * 1. Các Điều Kiện Tiên Quyết đối với mỗi lần rút vốn: | Các điều kiện này sẽ bao gồm:   * 1. không có Vi Phạm nào đang tiếp diễn hoặc sẽ xảy ra từ việc Rút Vốn dự kiến;   2. Các Cam Đoan Được Lặp Lại[[177]](#footnote-178) đều đúng sự thật và chính xác [về mọi phương diện trọng yếu];   3. bằng chứng rằng vốn đã được góp đầy đủ sao cho Tỷ Suất Nợ Trên Vốn Chủ Sở Hữu tối thiểu sẽ là [•] sau khi Rút Vốn;   4. toàn bộ báo cáo xây dựng đã được Công Ty Dự Án gửi theo các quy định của Các Tài Liệu Cấp Vốn;   5. xác nhận của Công Ty Dự Án rằng:      1. tiền thu được được sử dụng phù hợp với ngân sách xây dựng;      2. Ngày Hoàn Tất Dự Án sẽ diễn ra vào hoặc trước Ngày Hạn Chót; [[178]](#footnote-179) và      3. [các chi phí đến khi hoàn tất không nhiều hơn các khoản tiền còn lại và khả dụng đối với Công Ty Dự Án;]   6. [xác nhận từ Bên Tư Vấn Kỹ Thuật:      1. rằng đã đạt được các mốc xây dựng liên quan; và      2. về các vấn đề được đề cập tại đoạn (e) bên trên;]   7. [không có bất khả kháng nào đang tiếp diễn [mà trong chừng mực hợp lý có thể có một Ảnh Hưởng Bất Lợi Nghiêm Trọng]];   8. [*khác*][[179]](#footnote-180); [và]   9. một Đề Nghị Rút Vốn đã được gửi theo các quy định của Các Tài Liệu Cấp Vốn[[180]](#footnote-181). |
| * 1. Các Quy Định Khác: | Các Tài Liệu Cấp Vốn sẽ chứa các quy định tiêu chuẩn đối với các giao dịch thuộc loại này, dựa trên mẫu hiện hành được đề xuất của hợp đồng tín dụng đa tiền tệ theo luật Singapore của APLMA, trong trường hợp khác có hình thức và nội dung đáp ứng yêu cầu của [[Các] Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền][và Các Bên Cho Vay]] liên quan đến, bên cạnh các vấn đề khác, lãi phạt, gián đoạn thị trường, phí trả nợ trước hạn, cộng gộp thuế và các bồi hoàn bao gồm FATCA[[181]](#footnote-182), các chi phí tăng thêm,[[182]](#footnote-183) cấn trừ, quản lý và thay đổi đơn vị tiền tệ. |
| * 1. Cộng Gộp Thuế: | Tất cả các khoản tiền mà Công Ty Dự Án[[, Các Cổ Đông][và] Các Bên Tài Trợ]] thanh toán sẽ không phụ thuộc vào và không có tất cả các khoản thuế hiện tại và trong tương lai, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật. Nếu được yêu cầu khấu trừ thuế, bên liên quan sẽ thanh toán thêm một số tiền cần thiết sao cho đảm bảo Bên Cấp Vốn liên quan nhận được khoản tiền mà lẽ ra đã được nhận nếu không có yêu cầu khấu trừ thuế. |
| * 1. Chi Phí và Phí Tổn: | Toàn bộ chi phí và phí tổn (bao gồm chi phí pháp lý) mà Đại Lý Liên Tín Dụng và [Các] Bên Thu Xếp Chính Được Ủy Quyền phải chịu một cách hợp lý liên quan đến việc chuẩn bị, đàm phán, in ấn, ký kết, thực hiện, dịch thuật, tổng hợp, hoàn thiện và đăng ký Các Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ văn bản nào khác được đề cập trong đó sẽ được Công Ty Dự Án thanh toán nhanh chóng khi được yêu cầu, bất kể Thỏa Thuận Điều Khoản Chung có được ký hay không. |
| * 1. Luật Điều Chỉnh: | Singapore. |
| * 1. [Thẩm Quyền Xét Xử:][[183]](#footnote-184) | [Tòa án Singapore]. |
| * 1. [Trọng Tài:][[184]](#footnote-185) | [Phân xử trọng tài được thực hiện bởi Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Singapore theo các Quy Tắc Tố Tụng Trọng Tài của Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Singapore có hiệu lực vào thời điểm liên quan.  Hội đồng trọng tài gồm có [một/ba][[185]](#footnote-186) trọng tài viên.  Địa điểm phân xử trọng tài là tại Singapore.  Ngôn ngữ dùng trong phân xử trọng tài là [tiếng Anh]][[186]](#footnote-187). |

1. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHÍNH
   * + 1. Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng (nhưng chưa được định nghĩa) trong văn bản này sẽ có nghĩa như được quy định cho chúng trong mẫu Thỏa Thuận Điều Khoản Chính hiện hành của Infrastructure Asia.
       2. Trong bản điều khoản chính này:[[187]](#footnote-188)
2. “**Dòng Tiền Có Sẵn**”, liên quan đến một kỳ bất kỳ, nghĩa là số tiền sau (không tính hai lần):
   1. Doanh thu trong kỳ liên quan,[[188]](#footnote-189)

trừ đi

* 1. tổng các khoản sau:
     1. Chi Phí Vận Hành và Chi Phí Dự Án đã trả hoặc phải trả trong kỳ liên quan, trong phạm vi không được tài trợ từ vốn vay hoặc vốn chủ sở hữu, trong mỗi trường hợp; và
     2. phí, chi phí và chi phí ký hợp đồng phòng ngừa rủi ro phải trả trong kỳ liên quan; và
     3. bất kỳ khoản tiền nào được chuyển hoặc dự kiến sẽ chuyển từ Tài Khoản Hoạt Động vào Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì trong kỳ liên quan, trong trường hợp được phép chuyển tiền theo Các Tài Liệu Cấp Vốn,

trong mỗi trường hợp, mà Bên Vay đã nhận hoặc đã trả (tùy từng trường hợp) trong kỳ liên quan (hoặc, trong trường hợp Tỷ Suất DSCR Dự Báo, được dự báo một cách thiện chí là Bên Vay sẽ nhận được hoặc sẽ trả (tùy từng trường hợp) trong kỳ liên quan) và với điều kiện là, cho mục đích xác định Dòng Tiền Có Sẵn của một kỳ bất kỳ, đối với bất kỳ khoản tiền nào mà Công Ty Dự Án đã nhận hoặc được dự báo sẽ nhận được bằng một loại tiền tệ khác với loại tiền tệ của Các Khoản Vay, thì chỉ được xét đến khoản tiền được tính bằng loại tiền tệ của Các Khoản Vay mà Bên Vay đã nhận hoặc được dự báo hợp lý là sẽ nhận được sau khi quy đổi sang loại tiền tệ của Các Khoản Vay, nếu không thì khoản tiền đó sẽ không được xét đến.

1. “**Ngày Làm Việc**” nghĩa là ngày (không phải thứ bảy hay chủ nhật) mà các ngân hàng mở cửa để hoạt động kinh doanh bình thường tại Singapore [và [*nơi khác*]][[189]](#footnote-190).
2. “**Kỳ Tính Toán**”, liên quan đến một Ngày Tính Toán bất kỳ, nghĩa là:
   1. [(nhằm mục đích tính Tỷ Suất DSCR Dự Báo)] khoảng thời gian gồm [sáu/12] tháng dương lịch kể từ (và bao gồm cả) Ngày Tính Toán đó cho đến (và bao gồm cả) [ngày liền sau[[190]](#footnote-191)] Ngày Tính Toán liên quan[; và
   2. (nhằm mục đích tính Tỷ Suất DSCR Lịch Sử) khoảng thời gian gồm [sáu/12] tháng dương lịch kết thúc vào (và bao gồm cả) Ngày Tính Toán đó (hoặc, trong trường hợp Ngày Tính Toán đầu tiên đến sau Ngày Hoàn Tất Dự Án, khoảng thời gian kể từ (và bao gồm cả) Ngày Hoàn Tất Dự Án cho đến (và bao gồm cả) Ngày Tính Toán liên quan].
3. “**Mức Trả Nợ**”, đối với một kỳ bất kỳ, nghĩa là tổng cộng của (không tính hai lần) các chi phí cấp vốn, khoản tiền gốc theo dự kiến, và bất kỳ khoản tiền gốc, tiền lãi, các phí, tiền hoa hồng, chi phí, phí tổn nào và bất kỳ khoản thanh toán nào khác liên quan đến Nợ Tài Chính khác theo Các Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ Thuế nào đã nộp hoặc phải nộp mà theo đó có liên quan, trong mỗi trường hợp, phát sinh hoặc đến hạn chi trả (hoặc, trong trường hợp dự báo, được dự báo là sẽ phát sinh hoặc đến hạn chi trả) trong kỳ đó.
4. “**Dòng Tiền Chiết Khấu Cho Mức Trả Nợ**”, liên quan đến một Ngày Tính Toán bất kỳ, nghĩa là Dòng Tiền Có Sẵn được dự báo trong Bản Dự Báo hiện hành cho Kỳ Tính Toán đó được chiết khấu về Ngày Tính Toán liên quan, trên cơ sở như sau:[[191]](#footnote-192)
   1. mức chiết khấu áp dụng sẽ là mức bình quân gia quyền (do Đại Lý Liên Tín Dụng tính liên quan đến số tiền chưa thanh toán theo [mỗi] Khoản Tín Dụng) dựa trên các lãi suất được giả định trong Bản Dự Báo hiện hành là các lãi suất để tính lãi phát sinh của [Các Khoản Tín Dụng] kể từ Ngày Tính Toán đó cho đến Ngày Đáo Hạn Sau Cùng[, có xét đến bất kỳ mức lãi suất phòng ngừa rủi ro nào được áp dụng theo Các Hợp Đồng PNRR][[192]](#footnote-193); và
   2. việc chiết khấu sẽ được thực hiện vào [mỗi nửa năm/hàng năm] và với giả định rằng dòng tiền trong kỳ [nửa năm/hàng năm] phát sinh vào cuối kỳ [nửa năm/hàng năm] đó.
5. “**Ảnh Hưởng Bất Lợi Nghiêm Trọng**”nghĩa là một ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đối với:
   1. công việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, bất động sản hoặc tình hình (tài chính hoặc khác) hiện tại hoặc trong tương lai của Công Ty Dự Án [hoặc [Cổ Đông][Bên Tài Trợ]];
   2. khả năng của một Bên Chính Tham Gia Dự Án để thực hiện các nghĩa vụ [thanh toán hoặc nghĩa vụ trọng yếu khác] của mình theo:
      1. bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn nào; hoặc
      2. bất kỳ Tài Liệu Dự Án [không phải là Tài Liệu Dự Án đã được hoàn tất hoặc đã được thay thế]; hoặc
   3. (phụ thuộc vào các vấn đề bảo lưu pháp lý và các yêu cầu đăng ký được áp dụng và chưa bị quá hạn) hiệu lực hay khả năng thi hành, hoặc giá trị hiệu lực hay xếp hạng của bất kỳ Bảo Đảm Giao Dịch nào được cấp hoặc có ý định được cấp theo bất kỳ Tài Liệu Giao Dịch nào hoặc các quyền hay biện pháp khắc phục của một Bên Cấp Vốn theo Các Tài Liệu Giao Dịch [trong mỗi trường hợp, ngoại trừ bất kỳ Tài Liệu Dự Án nào đã được hoàn tất hoặc được thay thế].
6. “**Doanh Thu**”, liên quan đến một khoảng thời gian bất kỳ, nghĩa là toàn bộ các khoản đã nhận (hoặc, trong trường hợp dự kiến, được dự kiến là sẽ nhận) bởi Công Ty Dự Án trong khoảng thời gian đó (không tính hai lần), bao gồm:
   1. doanh thu nhận từ hoặc liên quan đến [*điền nguồn chính của (các) khoản doanh thu của Dự Án*];
   2. khoản bồi thường thiệt hại do chậm trễ đã nhận;
   3. tiền thu được từ bảo hiểm nhận được theo bảo hiểm tổn thất doanh thu;
   4. tiền lãi được thanh toán trên Các Tài Khoản;
   5. các khoản hoàn Thuế thuộc bất kỳ loại nào;
   6. (nếu là số dương) các khoản dự kiến thuần đã được thanh toán (hoặc, trong trường hợp dự kiến, được dự kiến là sẽ được thanh toán) cho Công Ty Dự Án theo các hợp đồng phòng ngừa rủi ro (ngoại trừ chi phí chấm dứt hợp đồng phòng ngừa rủi ro); và
   7. các số tiền khác mà Đại Lý Liên Tín Dụng chấp thuận là Doanh Thu,

nhưng Doanh Thu không bao gồm tiền thu được từ nợ tài chính, vốn chủ sở hữu hoặc theo bất kỳ bảo lãnh hay bảo hiểm nào khác đối với nợ tài chính hoặc vốn chủ sở hữu hoặc bất kỳ khoản bồi thường nào.

1. BẢNG KÊ CHI TIẾT Chi Phí Dự Án
2. **Chi tiết:**
   1. Giá gốc/Chi phí phát triển[[193]](#footnote-194): [•]
   2. Chi xây dựng cơ bản/Chi phí xây dựng: [•]
   3. Dự phòng[[194]](#footnote-195): [•]
   4. Các chi phí tài trợ vốn[[195]](#footnote-196) (là các phí và chi phí/phí tổn của các bên tư vấn và các Bên Cấp Vốn, chi phí ký hợp đồng phòng ngừa rủi ro): [•]
   5. Lãi trong giai đoạn xây dựng: [•]
   6. Các chi phí khác (ví dụ như phí bảo hiểm): [•]
   7. [Khoản tiền ban đầu cấp cho [Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ]/[Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì]: [•]][[196]](#footnote-197)
   8. Vốn lưu động (giai đoạn xây dựng): [•]
3. cơ cấu sở hữu cổ phần[[197]](#footnote-198)

[•]%

[•]%

[*Điền tên*]

(“**Các Bên Tài Trợ**”)

[*Điền tên*]

(“**Các Bên Tài Trợ**”)

100%

[*Công Ty Dự Án*]

(“**Công Ty Dự Án**”)

[*Điền tên*]

(“**Cổ Đông**”)

1. Nên bao gồm trong nội dung này bất kỳ người nào cung cấp vốn hoặc hỗ trợ tài trợ vốn (gồm hỗ trợ do thiếu tiền mặt hoặc các bảo lãnh hoàn thành) cho Dự Án. [↑](#footnote-ref-2)
2. Cần đưa vào nếu Các Bên Tài Trợ không trực tiếp sở hữu Bên Vay. [↑](#footnote-ref-3)
3. Tất cả các bên đối tác chính trong hợp đồng dự án sẽ được nêu tại đây. Các bên đối tác bổ sung/thay thế có thể bao gồm bên bảo lãnh của một giao dịch nhượng quyền (hoặc bên đối tác trong một hợp đồng Xây Dựng-Vận Hành-Chuyển Giao hoặc hợp đồng thực hiện), (các) nhà cung cấp nhiên liệu/nguyên liệu, các bên cung cấp dịch vụ tiện ích, các bên cung cấp dịch vụ dài hạn, (các) bên cho thuê đất và các bên bảo lãnh của bất kỳ bên đối tác nào kể trên. [↑](#footnote-ref-4)
4. Khái niệm về Bên Chính Tham Gia Dự Án, nếu được sử dụng, sẽ thường được áp dụng đối với: (1) các điều kiện tiên quyết (để cung cấp các văn kiện thành lập, báo cáo tài chính); (2) các cam kết (báo cáo tài chính); (3) Các Sự Kiện Vi Phạm (mất khả năng thanh toán, vi phạm chéo); và (4) định nghĩa về Ảnh Hưởng Bất Lợi Nghiêm Trọng. [↑](#footnote-ref-5)
5. Sửa đổi lại thuật ngữ này tùy theo loại Hợp Đồng Xây Dựng. [↑](#footnote-ref-6)
6. Các bên đối tác chỉ được phân loại thành Các Bên Chính Tham Gia Dự Án khi họ có các nghĩa vụ trọng yếu theo Các Tài Liệu Dự Án. Các Cổ Đông có thể yêu cầu rằng họ cũng là Các Bên Chính Tham Gia Dự Án chỉ khi họ có các nghĩa vụ theo các tài liệu hỗ trợ vốn liên quan. [↑](#footnote-ref-7)
7. Các Bên sẽ thỏa thuận về phạm vi của Bên Chính Tham Gia Dự Án. [↑](#footnote-ref-8)
8. Trong trường hợp có nhiều Khoản Tín Dụng, thông thường sẽ có một đại lý chung phụ trách điều phối các khoản tín dụng và một Đại Lý Tín Dụng riêng cho từng khoản tín dụng. Văn bản mẫu này gọi đại lý chung nói trên là Đại Lý Liên Tín Dụng. [↑](#footnote-ref-9)
9. Như đã nói ở trên, trong trường hợp có nhiều khoản tín dụng, cần điền danh tính của từng Đại Lý Tín Dụng. [↑](#footnote-ref-10)
10. Thông thường sẽ cần có cả đại lý bảo đảm trong nước (đối với biện pháp bảo đảm theo luật trong nước) và đại lý bảo đảm nước ngoài (đối với biện pháp bảo đảm nước ngoài hoặc không theo luật trong nước). [↑](#footnote-ref-11)
11. Cần xin ý kiến tư vấn về pháp luật trong nước để xác định cấu trúc nắm giữ biện pháp bảo đảm phù hợp (bởi vì không phải tất cả các quốc gia đều công nhận đơn vị được ủy thác). [↑](#footnote-ref-12)
12. (Các) Ngân Hàng Mở Tài Khoản cần được liệt kê ở đây và có thể là bên tham gia trong Thỏa Thuận Điều Khoản Chung – vì thông thường Ngân Hàng Mở Tài Khoản cũng sẽ là một Bên Cho Vay nên do đó sẽ không phản đối việc là một bên tham gia – nhưng trong một số trường hợp, Ngân Hàng Mở Tài Khoản có thể không phải là một bên tham gia. Lý do của việc này là vì Ngân Hàng Mở Tài Khoản không phải là đại diện của Các Bên Cấp Vốn và Ngân Hàng Mở Tài Khoản đang thực hiện chức năng hành chính, trong quá trình đó Ngân Hàng Mở Tài Khoản tuân thủ đúng các chỉ thị, chỉ căn cứ vào việc các điều kiện liên quan đã được đáp ứng hay chưa, mà không cần phải tiến hành việc thẩm tra của riêng mình cũng như không cần thực hiện bất kỳ quyền quyết định nào. [↑](#footnote-ref-13)
13. Việc phân chia giữa ngân hàng mở tài khoản trong nước với ngân hàng mở tài khoản nước ngoài được dựa trên giả định là có cả hai loại gồm tài khoản trong nước và tài khoản nước ngoài. Tuy nhiên, một lần nữa, điều này tùy thuộc vào việc quốc gia Dự Án liên quan cho phép như thế nào, bởi vì tại một số quốc gia, Công Ty Dự Án có thể bị giới hạn và không được duy trì tài khoản nước ngoài nếu không có các sự chấp thuận đặc biệt, mà sự chấp thuận này có thể có được một cách dễ dàng hoặc không. [↑](#footnote-ref-14)
14. Đây là ngân hàng (hoặc các ngân hàng) phát hành các thư tín dụng (L/C) trong các khoản tín dụng L/C hoặc khoản tín dụng vốn lưu động là một phần trong khoản tài trợ vốn được ưu tiên thanh toán. Không nên đưa vào trong mục này các bên phát hành L/C trong khoản hỗ trợ bằng L/C hoặc hỗ trợ tín dụng khác được phát hành nhân danh Các Bên Tài Trợ, ngay cả trong trường hợp được phát hành thay mặt cho Công Ty Dự Án. Còn được gọi là Ngân Hàng Phát Hành Đại Diện hoặc Ngân Hàng Phát Hành L/C Đại Diện. [↑](#footnote-ref-15)
15. Nếu có một nhóm gồm nhiều Bên Cho Vay, có thể chỉ định các ngân hàng với vai trò chuyên biệt để điều phối các hoạt động thẩm định khác nhau hoặc các luồng công việc trong hoạt động tài trợ vốn, tùy vào nhu cầu của giao dịch. [↑](#footnote-ref-16)
16. Ngân Hàng Phụ Trách Chứng Từ có thể được chỉ định để đàm phán Các Tài Liệu Cấp Vốn thay mặt cho Các Bên Cho Vay hoặc một nhóm Các Bên Cho Vay. [↑](#footnote-ref-17)
17. Vai trò của Ngân Hàng Phụ Trách Kỹ Thuật là làm bên điều phối của Các Bên Cho Vay trong quá trình thảo luận có sự tham gia của Công Ty Dự Án và Bên Tư Vấn Kỹ Thuật. [↑](#footnote-ref-18)
18. Vai trò của Ngân Hàng Phụ Trách Môi Trường là làm bên điều phối của Các Bên Cho Vay trong quá trình thảo luận có sự tham gia của Công Ty Dự Án và Bên Tư Vấn Môi Trường và Xã Hội. [↑](#footnote-ref-19)
19. Vai trò của Ngân Hàng Phụ Trách Bảo Hiểm là làm bên điều phối của Các Bên Cho Vay trong quá trình thảo luận có sự tham gia của Công Ty Dự Án và Bên Tư Vấn Bảo Hiểm. [↑](#footnote-ref-20)
20. Ngân Hàng Điều Phối Phòng Ngừa Rủi Ro thường sẽ phụ trách liên hệ với Công Ty Dự Án để hoàn tất chiến lược phòng ngừa rủi ro và đạt được thỏa thuận về quy trình thực hiện các thu xếp phòng ngừa rủi ro cần thiết. Trong một số dự án, các bên có thể thỏa thuận là ban đầu sẽ có một hoặc hai ngân hàng (gọi là Các Bên Thu Xếp Phòng Ngừa Rủi Ro) tham gia vào giao dịch phòng ngừa rủi ro, và sau đó sẽ được thay thế bằng các Ngân Hàng Phòng Ngừa Rủi Ro khác. [↑](#footnote-ref-21)
21. Vai trò của Ngân Hàng Phụ Trách Mô Hình là làm bên điều phối của Các Bên Cho Vay trong quá trình thảo luận có sự tham gia của Công Ty Dự Án và Bên Kiểm Tra Mô Hình. [↑](#footnote-ref-22)
22. Tất cả các bên tư vấn được Các Bên Cho Vay chỉ định sẽ được liệt kê tại đây. Đây chỉ là danh sách gợi ý và sẽ có thay đổi tùy từng dự án. [↑](#footnote-ref-23)
23. Tùy vào từng dự án, có thể chỉ định các bên tư vấn khác trong các lĩnh vực như: (1) thị trường (ví dụ trong trường hợp doanh thu của Dự Án phụ thuộc vào một thị trường nào đó); (2) nhiên liệu hoặc nguyên vật liệu thô (ví dụ trong trường hợp đầu vào của Dự Án không được cung cấp theo một hợp đồng dài hạn); (3) vận tải (ví dụ đối với các dự án mà doanh thu phụ thuộc vào lưu lượng vận tải); hoặc (4) tài nguyên thiên nhiên (ví dụ trong dự án khai khoáng hoặc thăm dò khai thác dầu khí, có thể yêu cầu báo cáo trữ lượng và báo cáo nghiên cứu khả thi; trong dự án điện gió, có thể yêu cầu ý kiến tư vấn về hiệu suất năng lượng). [↑](#footnote-ref-24)
24. Nêu các loại tín dụng được yêu cầu trong Dự Án. [↑](#footnote-ref-25)
25. Trong nhiều dự án, không cần phải có vốn lưu động trong thời gian trước giai đoạn vận hành (hoặc ít nhất là các yêu cầu về vốn lưu động sẽ ở mức tối thiểu trong thời gian trước giai đoạn vận hành). Do đó, người đi vay thường sẽ chọn không vay tín dụng phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho đến khi bước vào giai đoạn vận hành. Các yêu cầu về vốn lưu động trong bất kỳ trường hợp nào sẽ được xác định bởi Mô Hình Tài Chính, và các thu xếp phù hợp cho dự án cụ thể phải được thỏa thuận giữa các bên. [↑](#footnote-ref-26)
26. Khoản này sẽ cung cấp nguồn tiền dự phòng để trang trải các khoản chi phí phát sinh chưa được lường trước trong thời gian xây dựng. [↑](#footnote-ref-27)
27. Đây là một khoản vay được cấp theo uy tín của Các Bên Tài Trợ (nên Các Bên Tài Trợ không cần phải cấp vốn cho đến một ngày sau đó – xem chú thích 32) và có thể được cấu trúc như một khoản vay cho Công Ty Dự Án hoặc Các Bên Tài Trợ vay. Văn bản mẫu này giả định rằng Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn được cấu trúc dưới dạng một khoản tiền cho Công Ty Dự Án vay, được bảo lãnh (một cách riêng rẽ) bởi từng Bên Tài Trợ. Việc chi phí tài trợ của Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn có được tính trong “Chi Phí Dự Án” hay không sẽ tùy thuộc vào kết quả đàm phán mặc dù nó khá là phổ biến và trong một số trường hợp sẽ nằm trong một mức giới hạn nhất định được xác định dựa trên Mô Hình Tài Chính. [↑](#footnote-ref-28)
28. Trong trường hợp các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA) tham gia trong hoạt động tài trợ vốn cho một dự án (thông qua cung cấp vốn trực tiếp hoặc bảo hiểm theo một hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo lãnh), thông thường, sẽ có một hợp đồng tín dụng riêng cho mỗi ECA trong đó nêu rõ các cơ chế rút vốn cụ thể cho ECA, còn các điều khoản tài trợ vốn chung thường áp dụng cho (các) khoản tín dụng của ECA và bất kỳ nhóm Bên Cho Vay nào khác sẽ được quy định trong một Thỏa Thuận Điều Khoản Chung. Nhìn chung, các ECA cung cấp bảo hiểm (mà không cấp vốn trực tiếp) sẽ không phải là một bên tham gia trong Các Tài Liệu Cấp Vốn (ngoại trừ tham gia trong các hợp đồng bảo hiểm hoặc các bảo lãnh). [↑](#footnote-ref-29)
29. Các tổ chức tài chính phát triển (DFI) thường tham gia trong hoạt động tài trợ vốn cho một dự án (thông qua cung cấp vốn trực tiếp hoặc bảo hiểm theo một chính sách bảo hiểm hoặc bảo lãnh) do khu vực tư nhân thực hiện để hỗ trợ phát triển kinh tế trong các thị trường đang phát triển. Các DFI cũng có thể cung cấp các hình thức hỗ trợ thay thế khác tùy vào tính chất và nhu cầu của dự án, chẳng hạn như sản phẩm đầu tư vốn hoặc sản phẩm tài trợ có một phần là vốn (ví dụ như tài trợ hạng hai). [↑](#footnote-ref-30)
30. Trong một số dự án, khoản tín dụng nộp thuế VAT/GST được cấp để ‘đáp ứng’ các khoản nộp thuế VAT/GST mà Công Ty Dự Án có thể được hoàn lại sau đó. Tùy vào cơ chế hoàn thuế VAT/GST tại quốc gia liên quan, khoản tín dụng này có thể được cấu trúc như một khoản tín dụng tuần hoàn hoặc một khoản tín dụng có kỳ hạn. Dù trong trường hợp nào, khoản tín dụng này đều sẽ được hoàn trả từ tiền hoàn thuế VAT/GST mà Công Ty Dự Án nhận được (và được ưu tiên thanh toán từ nguồn tiền hoàn thuế đó trước các bên cho vay được ưu tiên khác). [↑](#footnote-ref-31)
31. Ví dụ về các khoản tín dụng khác có thể cung cấp gồm:

    1. Khoản Tín Dụng L/C – trong một khoản tín dụng riêng biệt, có thể cần phải phát hành các thư tín dụng nếu được yêu cầu như một phần trong Dự Án.
    2. Tín Dụng Hạng Hai – một dự án có thể có hoạt động cấp tín dụng hạng hai trong trường hợp có một khoảng hụt vốn (nghĩa là một sự thiếu hụt về số tiền nợ được ưu tiên thanh toán được cấp và số vốn chủ sở hữu có thể huy động). Các Bên Cho Vay của Tín Dụng Hạng Hai sẽ xếp sau Các Bên Cho Vay được ưu tiên.
    3. Khoản Tín Dụng Hồi Giáo – trong một số dự án, có thể có hoạt động tài trợ vốn theo luật Hồi giáo bên cạnh hoạt động tài trợ vốn của ngân hàng quốc tế và thường thì cấu trúc này sẽ dẫn đến phải soạn thảo các tài liệu tín dụng riêng biệt dành cho ngân hàng thương mại và dành cho tổ chức theo luật Hồi giáo (với một Thỏa Thuận Điều Khoản Chung là nền tảng bao quát và một Văn Kiện Ủy Thác Bảo Đảm Và Liên Tín Dụng).

    [↑](#footnote-ref-32)
32. Nêu tại đây chi tiết về việc góp vốn của Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông bằng vốn chủ sở hữu. Các nghĩa vụ góp vốn chủ sở hữu thường sẽ được quy định trong một thỏa thuận riêng (ví dụ như Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ, Thỏa Thuận Góp Vốn Chủ Sở Hữu, Thỏa Thuận Hỗ Trợ Và Giữ Lại Vốn Chủ Sở Hữu). Thỏa thuận này cũng sẽ có các quy định về bất kỳ việc hỗ trợ nào khác và các cam kết của Các Bên Tài Trợ và/hoặc Các Cổ Đông liên quan đến Dự Án, bao gồm giữ lại cổ phần, thứ tự ưu tiên thanh toán và các cam kết chung khác. Trong bản điều khoản chính này, thỏa thuận nói trên được gọi là Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ, nhưng cần cân nhắc để sửa đổi tên gọi này cho phù hợp với giao dịch của bạn nếu cần thiết. Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn cho Công Ty Dự Án vay sẽ xếp sau Các Khoản Tín Dụng khác và cần phải được thay thế bởi Vốn Chủ Sở Hữu Cơ Bản trong một thời hạn đã được chấp thuận.

    Dù đã nêu ví dụ một số tên gọi, nhưng trong mỗi trường hợp, cần cân nhắc các vấn đề sau:

    1. toàn bộ vốn sẽ được cung cấp “trước”, hay sẽ được góp tương ứng tỷ lệ vớicác khoản Rút Vốn Vốn Vay, hay được góp sau (và nếu góp sau thì có được góp sau bằng khoản hỗ trợ tín dụng hay không, và Các Bên Cho Vay có thể ‘thu hồi trước hạn’ các khoản thanh toán vốn sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay không: xem chú thích 33 bên dưới) hay là theo kế hoạch góp vốn chủ sở hữu theo đợt;
    2. trong trường hợp vốn được góp sau (nghĩa là được góp khi kết thúc thời gian xây dựng) thì có sử dụng cơ cấu bắc cầu vốn hay không (và nếu có sử dụng thì khoản vay theo cơ cấu bắc cầu vốn sẽ được hoàn trả khi nào và như thế nào);
    3. có phần nào trong vốn chủ sở hữu được dành riêng cho mục đích dự phòng hay không (và nếu có thì có được hậu thuẫn bằng khoản hỗ trợ tín dụng hay không); và
    4. các bên tài trợ có thể góp vốn dưới hình thức nợ thứ cấp (khoản vay cổ đông) cũng như vốn cổ phần xác thực hay không (nếu có thì các thu xếp sẽ cần phải tuân thủ đúng các quy tắc vốn mỏng tại quốc gia liên quan)?

    [↑](#footnote-ref-33)
33. Việc Các Bên Cấp Vốn có khả năng 'thu hồi trước hạn' phần vốn chưa góp khi một Sự Kiện Vi Phạm đang tiếp diễn hay không sẽ tùy thuộc vào kết quả đàm phán của từng dự án và có thể sẽ phụ thuộc vào một số điều kiện khác, chẳng hạn như các yếu tố dẫn đến thu hồi trước hạn sẽ được giới hạn ở Các Sự Kiện Vi Phạm “đáng kể” chẳng hạn như không thanh toán, mất khả năng thanh toán, v.v. hoặc chỉ sau khi đã bắt đầu thu hồi nợ trước hạn đối với Các Khoản Vay khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm. [↑](#footnote-ref-34)
34. Việc có cần Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng hay không, cũng như các điều kiện để góp Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng, sẽ tùy thuộc vào kết quả đàm phán của từng dự án. Trong trường hợp có một Khoản Tín Dụng Dự Phòng, thì Vốn Chủ Sở Hữu Dự Phòng nên được góp tương ứng tỷ lệ với Khoản Tín Dụng Dự Phòng. [↑](#footnote-ref-35)
35. Yêu cầu về xếp hạng tín dụng sẽ cần phải đề cập đến (các) tổ chức xếp hạng liên quan chuyên phụ trách xếp hạng tín dụng (thường là một hoặc nhiều tổ chức trong số Moody's, Standard & Poor's hay Fitch). [↑](#footnote-ref-36)
36. Trong giao dịch tài trợ dự án ‘không truy đòi’ điển hình, các bên tài trợ không có thêm nghĩa vụ tài chính nào khác ngoài việc góp vốn. Tuy nhiên, một loại nghĩa vụ tài chính bổ sung nào đó (ví dụ như hỗ trợ của bên tài trợ) có thể được đề xuất đối với các dự án cụ thể và/hoặc đối với các rủi ro cụ thể. Trong trường hợp đó, khoản hỗ trợ của bên tài trợ thường là sẽ được quy định trong Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ (bên cạnh các nghĩa vụ thường lệ khác, chẳng hạn như góp vốn, giữ lại cổ phần và các cam kết về thứ tự thanh toán), nhưng nội dung tóm tắt về khoản hỗ trợ sẽ được cung cấp của bên chịu trách nhiệm chính thường sẽ được nêu trong bản điều khoản chính vì đây là nội dung chính yếu mà Các Bên Cho Vay cần cân nhắc.

    Có hai loại hỗ trợ của bên tài trợ phổ biến như sau:

    1. hỗ trợ hoàn tất (hoặc “đảm bảo hoàn tất”) - các thuật ngữ này có thể được sử dụng để mô tả một loạt các hỗ trợ để đạt được kết quả hoàn tất dự án, từ cam kết cung cấp một số lượng hạn chế vốn chủ sở hữu dự phòng để tài trợ các khoản chi phí vượt quá ngân sách hoặc trang trải các khoản thiếu hụt kinh phí khác nhằm đảm bảo trả nợ đầy đủ nếu không đạt được việc hoàn tất dự án vào một ngày nhất định; và
    2. hỗ trợ cụ thể sau hoàn tất – hỗ trợ này có thể được yêu cầu trong trường hợp Các Bên Cho Vay không muốn hoặc không thể chịu một số rủi ro cụ thể sau hoàn tất và sẽ cần được đánh giá tùy theo từng dự án (ví dụ: khi có sự quan ngại về rủi ro nhu cầu bị giảm xuống, Các Bên Tài Trợ có thể đưa ra một cam kết bao tiêu dự phòng).

    [↑](#footnote-ref-37)
37. Có thể có thêm các nguồn doanh thu khác (ví dụ như một khoản trợ cấp của chính phủ và các khoản doanh thu trước khi hoàn tất) mà có thể được đưa vào khi tính Tỷ Suất Nợ Trên Vốn Chủ Sở Hữu. [↑](#footnote-ref-38)
38. Các bên sửa đổi nếu thấy cần thiết. [↑](#footnote-ref-39)
39. Định nghĩa này thường được sử dụng để mô tả việc bắt đầu vận hành dự án. Trong một số giao dịch (ví dụ giao dịch có ECA tài trợ), ngày này có thể ảnh hưởng đến thời hạn rút vốn và ngày hoàn trả đầu tiên. [↑](#footnote-ref-40)
40. Bản điều khoản chính này giả định là sẽ có một Ngày Hoàn Tất Dự Án. Một số giao dịch cũng có một Ngày Hoàn Tất Tài Chính trong đó quy định thêm các yêu cầu trước khi cung cấp hỗ trợ vốn của bên tài trợ hoặc trước khi thực hiện việc thanh toán được cho phép đối với các khoản thanh toán bị hạn chế (chẳng hạn các phân chia hoặc hoàn trả vốn vay cổ đông). Đối với một số giao dịch, có thể không có khái niệm Kiểm Tra Về Hoàn Tất Tài Chính riêng biệt, ví dụ trong giao dịch tài trợ vốn để đầu tư theo hình thức công-tư, việc hoàn tất thường được ấn định là hoàn tất chỉ theo hợp đồng bao tiêu, điều này đòi hỏi sự chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền/(các) Bên Bao Tiêu. [↑](#footnote-ref-41)
41. Kiểm tra về Tỷ Suất DSCR Dự Báo có thể không được đưa vào các dự án có tính đến rủi ro thị trường (ví dụ như rủi ro giao thông trong một dự án đường bộ hoặc rủi ro giá trong một dự án tài nguyên). Trong trường hợp đó, có thể cần có các kiểm tra thay thế về độ tin cậy hoạt động. [↑](#footnote-ref-42)
42. Để có thêm thông tin về các tài khoản dự phòng, xin xem mục *Các Tài Khoản Dự Án* bên dưới, bao gồm các chú thích. Lưu ý rằng nếu Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ được cung cấp tiền từ dòng tiền, thì có thể không cần phải yêu cầu cung cấp tiền vào tài khoản này vào hoặc trước Ngày Hoàn Tất Tài Chính. Trong trường hợp đó, Các Bên Cho Vay có thể yên tâm rằng Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ đã được cung cấp tiền đầy đủ đơn giản chỉ là một kiểm tra để phân chia (nghĩa là Công Ty Dự Án chỉ có thể tiến hành phân chia cho Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông nếu tiền đã được cung cấp đầy đủ vào Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ). [↑](#footnote-ref-43)
43. Ngày hạn chót phù hợp trong một dự án cụ thể sẽ có thể là chủ đề cần đàm phán và cần phải xem xét rất nhiều yếu tố khác, bao gồm khuôn khổ hợp đồng và Mô Hình Tài Chính. [↑](#footnote-ref-44)
44. Việc điều chỉnh này có thể phù hợp để cho phép Các Bên Tài Trợ được hưởng một phần hoặc toàn bộ lợi ích từ việc tiết kiệm chi phí trong thời gian xây dựng, đặc biệt là trong trường hợp vốn chủ sở hữu cơ bản đã được tài trợ trước (bao gồm thông qua cơ cấu bắc cầu vốn). Các Bên Tài Trợ sẽ hưởng phần tiết kiệm chi phí không tương xứng nếu việc điều chỉnh vốn chủ sở hữu cho phép tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu cao hơn so với trường hợp cơ sở, trong khi nếu sử dụng cùng một tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu, khoản tiết kiệm chi phí sẽ được chia sẻ tương ứng theo tỷ lệ giữa Các Bên Tài Trợ và Các Bên Cho Vay. [↑](#footnote-ref-45)
45. Sửa đổi nếu cần thiết. Các khoản này thường sẽ bao gồm Khoản Tín Dụng Kỳ Hạn A nhưng một số Khoản Tín Dụng có thể chỉ được dùng cho một số mục đích cụ thể và do đó sẽ không thể rút vốn để điều chỉnh vốn chủ sở hữu (ví dụ Khoản Tín Dụng Dự Phòng sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản vượt quá Chi Phí Dự Án). [↑](#footnote-ref-46)
46. Lưu ý rằng có thể có một số khoản tín dụng có kỳ hạn mà cùng với vốn chủ sở hữu sẽ được dùng để trang trải cho Chi Phí Dự Án, ví dụ như một hoặc nhiều khoản tín dụng ECA cùng với khoản tín dụng của tổ chức tài chính phát triển hoặc tổ chức đa phương, khoản tín dụng của ngân hàng thương mại, khoản tín dụng Hồi giáo, v.v. Xem chú thích 31 ở trên. [↑](#footnote-ref-47)
47. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-48)
48. Cần xác nhận quy ước tính ngày theo đơn vị tiền tệ liên quan của khoản tín dụng. 360 ngày là quy ước tính ngày phù hợp cho các khoản vay bằng USD. 365 ngày là quy ước tính ngày phù hợp cho các khoản vay bằng SGD. [↑](#footnote-ref-49)
49. Trong thời gian xây dựng, lãi phát sinh (hoặc IDC - lãi trong thời gian xây dựng) thường được trang trải như một khoản “sử dụng” hoặc như Chi Phí Dự Án trong thời gian xây dựng, và thông qua sự kết hợp giữa nợ và vốn chủ sở hữu, và thông thường:

    ‘được chuyển thành vốn’– nghĩa là được gộp vào vốn gốc còn nợ của Khoản Tín Dụng liên quan vào ngày thanh toán lãi liên quan; hoặc

    được thanh toán bằng tiền rút từ khoản vay vào ngày thanh toán lãi liên quan. [↑](#footnote-ref-50)
50. Những ngày thanh toán lãi thường được cố định vào các ngày bình thường trong mỗi năm dương lịch, trong thời gian xây dựng cũng như trong giai đoạn vận hành (mặc dù thực tế là tiền lãi thường được gộp vào vốn gốc trong thời gian xây dựng), thay vì cho phép Bên Vay tự do lựa chọn kỳ tính lãi. [↑](#footnote-ref-51)
51. Thời hạn rút vốn các khoản tín dụng sẽ tùy thuộc cụ thể vào từng dự án, dựa trên thời hạn thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-52)
52. Giới hạn về số lượng khoản vay được phép nợ thường được đưa vào nhằm mục đích hành chính (để các Đại Lý Tín Dụng liên quan không bị gánh nặng quá mức). Điều này cần được xem xét cùng với thời gian thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-53)
53. Công Ty Dự Án sẽ được phép thanh toán Chi Phí Dự Án miễn là các chi phí này phù hợp với các ngân sách liên quan (nằm trong khoảng chênh lệch được cho phép). Các Bên Cấp Vốn sẽ muốn có quyền phê duyệt nếu chi phí vượt quá ngân sách. Một số khoản thanh toán cũng có thể cần được Bên Tư Vấn Kỹ Thuật phê duyệt. [↑](#footnote-ref-54)
54. Một số khoản tín dụng có kỳ hạn cụ thể (ví dụ các khoản tín dụng ECA ràng buộc hoặc một số khoản tín dụng theo luật Hồi giáo) có thể chỉ có sẵn để cấp vốn cho một số hạng mục Chi Phí Dự Án 'đủ điều kiện'. Vấn đề này cần được quy định chi tiết trong bản điều khoản chính. [↑](#footnote-ref-55)
55. Trong ngữ cảnh này, các chi phí vay vốn đề cập đến: (1) các khoản phí và chi phí của bên tư vấn, (2) các phí, chi phí và phí tổn phải trả cho Các Bên Cấp Vốn, (3) chi phí giao kết các hợp đồng phòng ngừa rủi ro, và (4) lãi suất trong thời gian xây dựng (có tính đến các khoản thanh toán phòng ngừa rủi ro theo dự kiến) (trừ khi tiền lãi đó được vốn hóa và được gộp vào vốn gốc của Các Khoản Vay). [↑](#footnote-ref-56)
56. Khi vốn chủ sở hữu ban đầu được tài trợ thông qua một Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn, cần cân nhắc xem liệu các chi phí tài trợ vốn đối với Khoản Vay Bắc Cầu Vốn có thể được tính như một Chi Phí Dự Án hay không (và nếu có thì trong chừng mực như thế nào). [↑](#footnote-ref-57)
57. Giả định rằng các khoản này được cung cấp từ nguồn tiền là nợ vay và vốn chủ sở hữu. Một số ECA nhạy cảm với việc tiền vay được sử dụng để cấp vốn cho Tài Khoản Dự Phòng Trả Nợ đạt được số dư ban đầu. Cân nhắc điều chỉnh cho phù hợp. [↑](#footnote-ref-58)
58. Cần điều chỉnh định nghĩa tùy thuộc vào đặc điểm của Dự Án. [↑](#footnote-ref-59)
59. Điền nội dung phù hợp tùy thuộc vào việc khoản tín dụng tuần hoàn hay là khoản vay thư tín dụng sẽ được cung cấp. [↑](#footnote-ref-60)
60. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-61)
61. Đưa vào nếu đây là một khoản vay thư tín dụng. [↑](#footnote-ref-62)
62. Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động có thể không cần đến cho đến Ngày Vận Hành Thương Mại hoặc chỉ ngay trước Ngày Vận Hành Thương Mại. [↑](#footnote-ref-63)
63. Giới hạn về số lượng khoản vay được phép nợ thường được đưa vào nhằm mục đích hành chính (để các Đại Lý Tín Dụng liên quan không bị gánh nặng quá mức). Điều này cần được xem xét cùng với thời gian thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-64)
64. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-65)
65. Nên ấn định ngày kết thúc Thời Hạn Rút Vốn để cho phép các khoản vượt quá Chi Phí Dự Án được cung cấp vốn khi đến hạn. [↑](#footnote-ref-66)
66. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-67)
67. Giới hạn về số lượng khoản vay được phép nợ thường được đưa vào nhằm mục đích hành chính (để các Đại Lý Tín Dụng liên quan không bị gánh nặng quá mức). Điều này cần được xem xét cùng với thời gian thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-68)
68. Nội dung này cần được điều chỉnh để phản ánh bất kỳ yêu cầu nào của ECA liên quan. [↑](#footnote-ref-69)
69. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-70)
70. Giới hạn về số lượng khoản vay được phép nợ thường được đưa vào nhằm mục đích hành chính (để các Đại Lý Tín Dụng liên quan không bị gánh nặng quá mức). Điều này cần được xem xét cùng với thời gian thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-71)
71. Các ECA khác nhau sẽ có các yêu cầu chính sách khác nhau. Các nội dung này nên được quy định chi tiết trong bản điều khoản chính. [↑](#footnote-ref-72)
72. Nội dung này cần được điều chỉnh để phản ánh bất kỳ yêu cầu nào của DFI liên quan. [↑](#footnote-ref-73)
73. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-74)
74. Giới hạn về số lượng khoản vay được phép nợ thường được đưa vào nhằm mục đích hành chính (để các Đại Lý Tín Dụng liên quan không bị gánh nặng quá mức). Điều này cần được xem xét cùng với thời gian thanh toán Chi Phí Dự Án theo Các Tài Liệu Dự Án. [↑](#footnote-ref-75)
75. Các bên cần cân nhắc xem có đưa vào mức sàn bằng không đối với mức chuẩn được áp dụng hay không. [↑](#footnote-ref-76)
76. Các khoản tín dụng tài trợ vốn dự án ở Đông Nam Á thường là các khoản tín dụng dài hạn được hoàn trả theo đợt (giảm dần) thay vì phải trả một lần (một đợt). Tuy nhiên, điều khoản về hoàn trả có thể được cấu trúc khác nhau (ví dụ như hoàn trả một lần khi đáo hạn) trong trường hợp, chẳng hạn như, sử dụng cấu trúc hoán vị nhỏ. Trong trường hợp đối với một Khoản Tín Dụng được một Tổ Chức Tín Dụng Xuất Khẩu hỗ trợ, cũng có thể áp dụng các yêu cầu cụ thể liên quan đến thời hạn hoàn trả nợ. [↑](#footnote-ref-77)
77. Đưa vào nội dung này nếu phải có phòng ngừa rủi ro. Các đặc điểm của chương trình phòng ngừa rủi ro phụ thuộc vào giao dịch cụ thể, bao gồm những gì được cho phép tại quốc gia của Dự Án. Các yếu tố chính cần cân nhắc liên quan đến chiến lược phòng ngừa rủi ro bao gồm, bên cạnh các yếu tố khác:

    1. đối tượng được phòng ngừa rủi ro (ví dụ như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá đầu vào (như nhiên liệu), giá đầu ra (như quặng kim loại));
    2. thời điểm tiến hành giao kết phòng ngừa rủi ro (ví dụ như khi kết thúc tài chính, trong các giai đoạn sau khi kết thúc tài chính);
    3. thời hạn (thời gian) phòng ngừa rủi ro là bao lâu;
    4. tỷ lệ nợ (hoặc yếu tố cơ sở khác) phải được phòng ngừa rủi ro là bao nhiêu;
    5. các bên đối tác phòng ngừa rủi ro sẽ là ai (ví dụ chỉ có các bên thu xếp chính được ủy quyền (MLA) hoặc Các Bên Cho Vay, hay các MLA/Các Bên Cho Vay sẽ có 'quyền phối hợp; họ có cần phải đạt được mức xếp hạng tín dụng cụ thể nào đó hay không; họ có cần phải rút khỏi giao dịch phòng ngừa rủi ro nếu họ rút khỏi giao dịch cho vay vốn hay không);
    6. các bên đối tác phòng ngừa rủi ro sẽ có biện pháp bảo đảm gì và quyền biểu quyết như thế nào; và
    7. mẫu các văn bản về phòng ngừa rủi ro.

    [↑](#footnote-ref-78)
78. Nếu đưa vào điều kiện này thì không cần có kiểm tra từ Chi Phí đến Hoàn Tất đối với bất kỳ khoản hoàn trả trước hạn nào. [↑](#footnote-ref-79)
79. Các sự kiện dẫn đến hoàn trả trước hạn bắt buộc có thể khác nhau tùy từng dự án. [↑](#footnote-ref-80)
80. Tùy vào lĩnh vực mà Dự Án có liên quan, một số giao dịch cũng có thể bao gồm hình thức trả nợ từ lợi nhuận. Trả nợ từ lợi nhuận là một hình thức trả nợ trước hạn bắt buộc, trong đó yêu cầu một tỷ lệ nhất định (có thể là 100%) của dòng tiền thặng dư từ dự án sẽ được sử dụng để trả nợ (thay vì lẽ ra được dùng để thanh toán cho các bên tài trợ như là một khoản lợi tức trên vốn). [↑](#footnote-ref-81)
81. Quy định rằng tỷ lệ tiền thu được từ bảo hiểm cần dùng để hoàn trả trước hạn bắt buộc là phần cần để khôi phục các tỷ suất về lại ngưỡng đã thỏa thuận/các tỷ suất cơ bản. Một số bên cho vay có thể yêu cầu 100% số tiền thu được từ bảo hiểm phải được dùng để hoàn trả trước hạn bắt buộc. Cần sửa đổi nếu cần thiết. [↑](#footnote-ref-82)
82. Có thể có nhiều hợp đồng trong đó cần phải trả khoản bồi thường thiệt hại – ví dụ như hợp đồng xây dựng, hợp đồng nhượng quyền và hợp đồng bao tiêu – một phương án khác chính là liệt kê tất cả các hợp đồng ra tại đây. [↑](#footnote-ref-83)
83. Xem chú thích 150 bên dưới. [↑](#footnote-ref-84)
84. Cập nhật nội dung này để bao gồm Các Khoản Tín Dụng sẽ được hoàn trả trước hạn khi xảy ra các sự kiện nêu trên. Nhìn chung, Khoản Tín Dụng Bắc Cầu Vốn và Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GST sẽ không được hoàn trả trước hạn (trừ khi, đối với Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT/GST, trong trường hợp việc tài trợ vốn dự án không còn khả thi nữa). Một số sự kiện nhất định có thể chỉ dẫn đến việc phải hoàn trả trước hạn một khoản vay riêng lẻ (ví dụ: việc mất bảo hiểm ECA trong một Khoản Tín Dụng ECA sẽ dẫn đến phải hoàn trả trước hạn Khoản Tín Dụng ECA đó). [↑](#footnote-ref-85)
85. Chiến Lược Phòng Ngừa Rủi Ro thường sẽ yêu cầu một tỷ lệ nhất định (thường được thể hiện dưới dạng một phạm vi) của nợ phải được phòng ngừa rủi ro. Nếu giá trị nợ giảm xuống thì dự án có thể được “phòng ngừa rủi ro quá mức”. [↑](#footnote-ref-86)
86. Khi việc hủy bỏ tự nguyện được cho phép, cần cân nhắc xem có cần phải hủy bỏ *tương ứng* *tỷ lệ*giữa tất cả các khoản vay hay không. [↑](#footnote-ref-87)
87. Sửa đổi cho phù hợp. [↑](#footnote-ref-88)
88. Xem chú thích 85 ở trên. [↑](#footnote-ref-89)
89. Do doanh thu trong các dự án khác nhau sẽ được cơ cấu khác nhau cũng như các quy định áp dụng cho tài khoản ở từng quốc gia là khác nhau, các quy định về ngân hàng mở tài khoản thường được nêu trong các hợp đồng tài khoản riêng biệt – cụ thể trong trường hợp có sự phân chia giữa ngân hàng mở tài khoản trong nước và ngân hàng mở tài khoản nước ngoài như được giả định tại đây. Xem chú thích 95 bên dưới về cấu trúc các tài khoản được đề xuất. [↑](#footnote-ref-90)
90. Công Ty Dự Án có thể được lợi từ các bảo đảm (mà không phải là các thỏa thuận trực tiếp) từ các cơ quan hữu quan liên quan đến sự chấp thuận/cho phép và những vấn đề này thông thường cũng sẽ được đề cập tại đây. [↑](#footnote-ref-91)
91. Hình thức và bản chất của thỏa thuận được yêu cầu sẽ phụ thuộc vào việc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác được áp đặt đối với Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông ngoài nghĩa vụ góp vốn chủ sở hữu hay không, chẳng hạn như một bảo đảm hoàn tất. [↑](#footnote-ref-92)
92. Danh sách biện pháp bảo đảm nêu trong bản điều khoản chính này bao gồm những nội dung thường có trong một gói bảo đảm điển hình của Các Bên Cho Vay. Tuy nhiên, chi tiết của gói bảo đảm đối với một dự án cụ thể sẽ được xác định cụ thể và tùy thuộc vào thẩm quyền địa phương và tổ chức liên quan. [↑](#footnote-ref-93)
93. Xem phần *Các tài khoản dự án*bên dưới - cấu trúc tài khoản được đề xuất trong bản điều khoản chính này bao gồm một Tài Khoản Phân Chia để nhận các khoản tiền được chuyển vào từ thứ tự ưu tiên thanh toán nếu đã đáp ứng các kiểm tra để phân chia. Khi sử dụng cấu trúc này, Tài Khoản Phân Chia thường là tài khoản không có bảo đảm. [↑](#footnote-ref-94)
94. Bao gồm bất kỳ Tài Liệu Bảo Đảm nào khác phù hợp đối với giao dịch, theo đề xuất của cố vấn pháp lý trong nước, chẳng hạn như bất kỳ giấy ủy quyền về bảo đảm nào. [↑](#footnote-ref-95)
95. Đây là một cấu trúc tài khoản đơn giản. Cấu trúc này thiết lập một tài khoản chính cho thời gian xây dựng (Tài Khoản Chi Tiêu) và một tài khoản chính cho thời gian vận hành (Tài Khoản Hoạt Động). Nếu thích hợp, có thể cần hoặc nên thiết lập các tài khoản trong nước và nước ngoài 'song song’ (ví dụ: cả tài khoản hoạt động nước ngoài lẫn tài khoản hoạt động trong nước) nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu tiền tệ và/hoặc phòng ngừa rủi ro, và Hợp Đồng Tài Khoản sẽ bao gồm các điều khoản yêu cầu hoặc cho phép việc chuyển tiền và chuyển đổi tiền giữa tài khoản trong nước và tài khoản nước ngoài. Điều này cũng cho phép giữ lại tiền mặt bằng đơn vị tiền tệ của Khoản Vay, giảm thiểu rủi ro tỷ giá và ngoại hối khi chuyển tiền về nước. Ngoài ra, có thể nên thiết lập các tài khoản riêng biệt cho các nguồn thu nhập xác định khác hoặc các mục đích xác định khác. Các Bên Cho Vay cũng có thể yêu cầu xem các số tiền cộng dồn hàng tháng liên quan đến khoản trả nợ hoặc các chi phí hoạt động, trong trường hợp đó, sẽ cần phải có một tài khoản trả nợ/cộng dồn riêng biệt hoặc tài khoản chi phí hoạt động riêng biệt cho mỗi loại tiền tệ của Khoản Vay. [↑](#footnote-ref-96)
96. Xem chú thích 95 ở trên. [↑](#footnote-ref-97)
97. Đây là tài khoản chính trong ‘thời gian xây dựng'. Để việc chuyển từ tài khoản trong thời gian xây dựng sang tài khoản trong thời gian vận hành diễn ra hiệu quả, cần phải hiểu thời điểm và cách hình thành doanh thu trong thời gian xây dựng cũng như thời điểm thanh toán các chi phí trong thời gian xây dựng và chi phí trong thời gian vận hành. Lưu ý rằng các tài khoản chi tiêu không phải lúc nào cũng tự động đóng sau khi đã hoàn thành xây dựng vì có thể vẫn còn các chi phí trong thời gian xây dựng cần được thanh toán sau khi đã hoàn thành xây dựng. [↑](#footnote-ref-98)
98. Việc xác lập và giá trị của nguồn doanh thu dự án trong thời gian xây dựng sẽ khác nhau tùy từng dự án. Nếu dự kiến là sẽ có các khoản doanh thu đáng kể trong thời gian xây dựng (và đặc biệt nếu đây là một ‘nguồn’ trong kế hoạch tài trợ vốn) thì cách làm hợp lý là có thể mở một tài khoản riêng để theo dõi các khoản tiền này (cũng như để tạo điều kiện cho việc hoàn trả trước hạn liên quan nếu được yêu cầu). [↑](#footnote-ref-99)
99. Các bên cần cân nhắc xem có cần phải có tài khoản doanh thu và tài khoản hoạt động riêng hay không. [↑](#footnote-ref-100)
100. Cũng như doanh thu nhận được trực tiếp từ việc vận hành Dự Án, khoản này bao gồm bất kỳ số tiền bảo hiểm nào thu được từ các bảo hiểm về tổn thất doanh thu (ví dụ như bảo hiểm gián đoạn kinh doanh). [↑](#footnote-ref-101)
101. Số tiền thu được từ bảo hiểm tổn thất doanh thu được trả vào Tài Khoản Chi Tiêu/Tài Khoản Hoạt Động vì các khoản này thể hiện doanh thu mà Công Ty Dự Án lẽ ra đã nhận được nếu không xảy ra sự kiện bảo hiểm (nghĩa là bảo hiểm này được thiết kế đơn giản nhằm 'giữ cho người được bảo hiểm được an toàn nguyên vẹn'). Tiền thu được từ bảo hiểm của bên thứ ba thường được các công ty bảo hiểm thanh toán trực tiếp cho bên thứ ba. Trong trường hợp Công Ty Dự Án trả tiền cho bên thứ ba và công ty bảo hiểm sau đó bồi thường cho Công Ty Dự Án, số tiền thu được đó sẽ được thanh toán vào Tài Khoản Chi Tiêu/Tài Khoản Hoạt Động (do các khoản này, như đã nói ở trên, chỉ để 'giữ cho người được bảo hiểm được an toàn nguyên vẹn’). [↑](#footnote-ref-102)
102. Mục đích của Tài Khoản Dự Phòng Bảo Trì là nhằm dành riêng ra các khoản tiền cần thiết cho công tác bảo trì lớn theo lịch đối với Nhà Máy. Việc có cần tài khoản này hay không, và nếu cần thì cơ chế xác định số dư yêu cầu là như thế nào, sẽ tùy thuộc rất nhiều vào loại dự án cũng như cách thức chi phí bảo trì được phân bổ đồng đều/không đồng đều ra sao trong suốt vòng đời dự án. [↑](#footnote-ref-103)
103. Nội dung này sẽ phụ thuộc vào khoản chi phí bảo trì dự kiến của Dự Án. Cũng cần phải có thông tin đầu vào từ phía Bên Tư Vấn Kỹ Thuật. [↑](#footnote-ref-104)
104. Trong cấu trúc tài khoản này, các khoản tiền sẽ được thanh toán vào Tài Khoản Phân Chia từ thứ tự ưu tiên thanh toán nếu Các Kiểm Tra Để Phân Chia được đáp ứng. Một khi đã chuyển tiền vào Tài Khoản Phân Chia, Công Ty Dự Án có thể chia cổ tức, khoản phân phối hoặc hoàn trả khoản vay cổ đông mà không bị hạn chế gì. Nếu không đáp ứng Các Kiểm Tra Để Phân Chia thì tiền sẽ vẫn còn trong Tài Khoản Hoạt Động và sẵn sàng để sử dụng phù hợp với thứ tự ưu tiên thanh toán cho đến ngày hoàn trả (hoặc tính toán) tiếp theo. [↑](#footnote-ref-105)
105. Thứ tự ưu tiên thanh toán được Bên Cho Vay đưa ra nhằm kiểm soát cách thức sử dụng dòng tiền và quy định thứ tự ưu tiên của các khoản thanh toán. Văn bản mẫu này quy định thứ tự ưu tiên thanh toán cơ bản nhưng cần phải được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn hoạt động của từng dự án, cụ thể về cấu trúc doanh thu và cách thức thanh toán các chi phí hoạt động. [↑](#footnote-ref-106)
106. Công Ty Dự Án sẽ được phép thanh toán các chi phí hoạt động với điều kiện phải phù hợp với các ngân sách hoạt động liên quan (chấp thuận nằm trong mức chênh lệch được cho phép). Các Bên Cấp Vốn thường sẽ yêu cầu phải được phê duyệt nếu chi phí vượt quá ngân sách. “Chi Phí Hoạt Động” thông thường sẽ bao gồm:

     1. chi phí phát sinh theo Các Tài Liệu Dự Án liên quan (ví dụ Hợp Đồng VH&QL);
     2. chi xây dựng cơ bản cần thiết;
     3. chi phí bảo hiểm;
     4. chi phí bảo trì thông thường;
     5. chi phí hành chính;
     6. chi phí gia hạn các chấp thuận; và
     7. thuế.

     [↑](#footnote-ref-107)
107. Bất kỳ khoản hoàn trả trước hạn bắt buộc nào khác (ngoại trừ khoản trả nợ từ lợi nhuận, mà khoản này thường được xếp hạng thấp hơn, chỉ xếp trên các khoản phân chia) có thể được đưa vào bậc này trong thứ tự ưu tiên thanh toán. [↑](#footnote-ref-108)
108. Một khoản trả nợ từ lợi nhuận cũng có khả năng được xếp trước các khoản hoàn trả trước hạn bắt buộc không theo tỷ lệ, tùy thuộc vào sự kiện hoặc tình huống dẫn đến việc trả nợ từ lợi nhuận đó. [↑](#footnote-ref-109)
109. Đưa vào nếu các nghĩa vụ chuyển tiền vào tài khoản DSRA/tài khoản MRA có thể được đáp ứng thông qua việc cung cấp một thư tín dụng thay vì giữ các số dư tiền mặt. Các bên vay /các Bên Tài Trợ mạnh cũng có thể yêu cầu phương án cung cấp tiền cho tài khoản DSRA thông qua một bảo lãnh của Bên Tài Trợ, trong trường hợp này, Bên Tài Trợ có thể phải đạt được mức xếp hạng tín dụng tối thiểu để việc bảo lãnh của Bên Tài Trợ đó  được các bên cho vay chấp nhận. Nếu chấp nhận phương án trên, cần sửa lại đoạn này cho phù hợp. [↑](#footnote-ref-110)
110. Tùy vào tính chất của dự án, các bên cho vay cũng có thể yêu cầu phải có một kiểm tra về Tỷ Suất DSCR dự kiến, đặc biệt trong trường hợp doanh thu trong tương lai có khả năng bị biến động. [↑](#footnote-ref-111)
111. Kiểm tra về Hệ Số LLCR rất hữu ích/có liên quan trong trường hợp khía cạnh chi phí hoặc doanh thu của dự án có tính chu kỳ hoặc có biến động đặc biệt và các bên cấp vốn muốn kiểm tra vấn đề này nhằm đảm bảo an toàn, bên cạnh mức DSCR tối thiểu. [↑](#footnote-ref-112)
112. Việc nộp Mô Hình Tài Chính và Bản Dự Báo đã kiểm toán và được chấp thuận sẽ là điều kiện tiên quyết về kết thúc tài chính, nhưng trên thực tế, Các Bên Cho Vay sẽ đòi hỏi nó phải được chấp thuận trước khi ký Các Tài Liệu Cấp Vốn. [↑](#footnote-ref-113)
113. Việc xử lý Bản Dự Báo và cách thức cập nhật các giả định sẽ phụ thuộc vào lĩnh vực của Dự Án. Các Bên cần sửa đổi nội dung này cho phù hợp tùy từng giao dịch. [↑](#footnote-ref-114)
114. Cách thức cập nhật các giả định trong Bản Dự Báo cần được xem xét đối với từng dự án. Chỉ cần phải cập nhật các giả định trong trường hợp sử dụng các tỷ suất dự kiến. Các trường hợp cập nhật các giả định sẽ phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào của Bản Dự Báo (ví dụ như các chi phí dự kiến, doanh thu dự kiến) và liệu các yếu tố này có biến đổi hay không (ví dụ dựa trên giá cả thị trường, theo mức lạm phát). [↑](#footnote-ref-115)
115. Các Báo Cáo Tài Chính là các nội dung được trích ra (hoặc là kết quả) từ Mô Hình Tài Chính, trong đó thể hiện các chỉ số tài chính cho giai đoạn liên quan và các thông tin hỗ trợ việc tính toán các chỉ số đó. [↑](#footnote-ref-116)
116. Ngày này thường sẽ trùng với những ngày hoàn trả. Thông thường, các tỷ suất sẽ được kiểm tra: (1) tại thời điểm ký kết hoặc kết thúc tài chính (tức là một điều kiện tiên quyết); (2) vào Ngày Hoàn Tất Dự Án hoặc Ngày Hoàn Tất Tài Chính; và (3) vào những ngày hoàn trả. [↑](#footnote-ref-117)
117. Ví dụ, nếu cần để xác định xem nên sử dụng số tiền thu được từ bảo hiểm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất để hoàn trả trước hạn bắt buộc hay để khôi phục và sửa chữa. [↑](#footnote-ref-118)
118. Các tỷ suất thường được sử dụng nhất cho các mục đích sau:

     1. kiểm tra về kết thúc tài chính/hoàn tất dự án (dự án sau khi hoàn tất có tạo ra dòng tiền đáp ứng kỳ vọng ban đầu hay không?);
     2. kiểm tra về khả năng phân chia (nếu không đáp ứng, tiền có thể bị khóa hoặc được dùng để trả nợ trước hạn);
     3. Sự Kiện Vi Phạm.

     Các ví dụ khác về trường hợp sử dụng các tỷ suất là: (i) phát sinh thêm nợ (có thể có quy định cấm phát sinh thêm nợ trừ khi, có tính đến gánh nặng trả nợ bổ sung, đáp ứng được các tỷ suất cụ thể) và phát sinh thêm khoản hoàn trả (để xác định số tiền hoàn trả hoặc khả năng trả nợ từ lợi nhuận); (ii) tái cấp vốn một phần (nếu việc tái cấp vốn đó hoàn toàn được phép, nó có thể phải đáp ứng các kiểm tra cụ thể về tỷ suất); (iii) khôi phục sau yêu cầu bồi thường bảo hiểm (Các Bên Cho Vay có thể yêu cầu các kiểm tra về tỷ suất sau khi có một yêu cầu bồi thường bảo hiểm để chứng minh rằng tiền thu được từ bảo hiểm nên được dùng để khôi phục thay vì dùng cho khoản trả trước bắt buộc); và (iv) kết hợp với các khoản trả trước bắt buộc. [↑](#footnote-ref-119)
119. Việc giao dịch có bao gồm cả việc kiểm tra về Tỷ Suất DSCR dự kiến ​​(hướng tới tương lai) bên cạnh kiểm tra về Tỷ Suất DSCR lịch sử được nêu ở đây hay không sẽ phụ thuộc cụ thể vào giao dịch và thị trường. [↑](#footnote-ref-120)
120. Các Bên cần cân nhắc liệu các khoản tín dụng tuần hoàn nên được tính vào hay loại ra khỏi Tỷ Suất DSCR Dự Kiến. [↑](#footnote-ref-121)
121. Đưa vào trong trường hợp kiểm tra về Tỷ Suất DSCR Dự Kiến cũng được yêu cầu. [↑](#footnote-ref-122)
122. Lãi suất chiếu khấu được sử dụng trong phép tính này cần phải được thỏa thuận giữa các bên. Thông thường, lãi suất chiết khấu sẽ phù hợp với lãi suất được phòng ngừa rủi ro trong Các Khoản Tín Dụng. [↑](#footnote-ref-123)
123. Đưa vào trong trường hợp cần có kiểm tra về Hệ Số LLCR (thường là nhằm xác định khoản nợ và như một điều kiện để xảy ra Ngày Hoàn Tất Tài Chính). [↑](#footnote-ref-124)
124. Vấn đề cần đàm phán là liệu các Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu nên được xem như (a) là doanh thu tăng thêm hay (b) là phần nợ được giảm đi – việc này sẽ có các tác động toán học khác nhau đến (các) tỷ suất. Phương án xem Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu là phần nợ được giảm đi ít phổ biến hơn nhiều. Nếu Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu được dùng để giảm nợ, có thể quy định thêm một sự kiện hoàn trả trước hạn bắt buộc trong bản điều khoản chính, trong đó quy định phải dùng Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu để hoàn trả trước hạn Các Khoản Vay (thường là trên *cơ sở tỷ lệ*). Các bên tài trợ mạnh hơn có thể đàm phán để Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu được lấy làm biện pháp bảo đảm cho các ngân hàng mà không được sử dụng thực sự để hoàn trả trước hạn, được lựa chọn để giải phóng Khoản Khắc Phục Vốn Chủ Sở Hữu sau khi tỷ suất liên quan đã được khắc phục trong (các) quý tiếp theo. [↑](#footnote-ref-125)
125. Danh sách các cam đoan được lặp lại sẽ được đàm phán tùy theo từng dự án. Việc này có thể không xảy ra ở giai đoạn lập bản điều khoản chính. [↑](#footnote-ref-126)
126. Các cam đoan khác có thể liên quan đến Công Ty Dự Án (và Các Bên Tài Trợ, tùy từng trường hợp) tùy theo từng giao dịch cụ thể, ví dụ như vấn đề tuân thủ môi trường và các tuyên bố về môi trường. [↑](#footnote-ref-127)
127. Cần cân nhắc xem danh sách này nên là danh sách đầy đủ hay nên được ghi rõ là không giới hạn ở các nội dung cụ thể đã được nêu ra. Cần cân nhắc các cam đoan, nếu phù hợp, để phản ánh các luật và quy định về các lệnh trừng phạt mà có thể ảnh hưởng đến Các Bên Cho Vay tùy thuộc vào quốc gia nơi Các Bên Cho Vay được thành lập hoặc hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ và Liên Minh Châu Âu (mà các lệnh này có thể cấm Các Bên Cho Vay tạm ứng tiền để cung cấp cho các mục tiêu là đối tượng của bất kỳ cơ quan ban hành lệnh trừng phạt liên quan nào, cũng như các hạn chế khác).

     Các Bên Cho Vay cũng có thể muốn xem xét các sửa đổi, nếu thích hợp, để phản ánh các luật và quy định về chống rửa tiền, chống hối lộ và chống tham nhũng có thể ảnh hưởng đến họ (như đã nói ở trên, tùy thuộc vào quốc gia nơi Các Bên Cho Vay được thành lập hoặc hoạt động kinh doanh). [↑](#footnote-ref-128)
128. Các ngân hàng có thể muốn dẫn chiếu cụ thể đến việc phải tuân thủ Nguyên Tắc Xích Đạo (và/hoặc các tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác). [↑](#footnote-ref-129)
129. Tùy thuộc vào giai đoạn cụ thể của Dự Án do Dự Án có thể chưa có quyền sở hữu đối với tất cả các tài sản trên cơ sở công tác xây dựng có thể chưa được bắt đầu. [↑](#footnote-ref-130)
130. Các cam đoan này (*Không có quyền miễn trừ* và *Các hành động thương mại riêng tư*) có thể được bỏ đi nếu chắc chắn rằng Công Ty Dự Án không được hưởng quyền miễn trừ theo chủ quyền. [↑](#footnote-ref-131)
131. Các Bên có thể cân nhắc để định nghĩa khái niệm “bất khả kháng” ở giai đoạn lập bản điều khoản chính nếu muốn. [↑](#footnote-ref-132)
132. Những bên tham gia dự án nào cần phải cung cấp báo cáo tài chính sẽ tùy thuộc vào vai trò của họ trong dự án, đặc biệt nếu họ cũng đồng thời cung cấp khoản hỗ trợ, chẳng hạn một bảo lãnh hoàn thành. Theo đó, yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính thường áp dụng đối với Công Ty Dự Án và Các Cổ Đông/Các Bên Tài Trợ. [↑](#footnote-ref-133)
133. Sẽ được xem xét trên cơ sở từng dự án – trong hầu hết các trường hợp, chỉ cần cung cấp báo cáo tài chính hàng năm và nửa năm là đủ. [↑](#footnote-ref-134)
134. Tần suất và nội dung báo cáo cho Các Bên Cho Vay trong thời gian xây dựng sẽ phụ thuộc vào từng dự án cụ thể. Hình thức của các báo cáo xây dựng cũng có thể được thỏa thuận trước như là một điều kiện tiên quyết, hoặc trước khi gửi báo cáo xây dựng đầu tiên. Trong mọi trường hợp, nên thỏa thuận trước phạm vi của các báo cáo xây dựng. [↑](#footnote-ref-135)
135. Nếu chưa được nêu trong báo cáo xây dựng hoặc báo cáo hoạt động. [↑](#footnote-ref-136)
136. Công Ty Dự Án sẽ chỉ được phép thanh toán Chi Phí Dự Án hoặc Chi Phí Hoạt Động đã được tính trong ngân sách (và phù hợp với Mô Hình Tài Chính). Do đó, các bên cần phải thống nhất về tần suất Công Ty Dự Án lập ngân sách (ví dụ hàng năm, nửa năm, hàng quý) và quy trình đệ trình để Các Bên Cho Vay phê duyệt. Quy trình này nên có sự linh hoạt, cho phép Dự Án vượt quá ngân sách (một khoản dự phòng sẽ được thỏa thuận cho mục đích này) và có thể ấn định một mức trần (ví dụ: các chi phí được phép vượt quá ngân sách miễn là không vượt quá 110% ngân sách ban đầu) được áp dụng đối với tất cả các chi phí hoặc đối với một số khoản mục cụ thể, hoặc một phương án khác là xác định xem có chi toàn bộ cho khoản chi phí vượt định mức hay không. Sẽ cần phải thống nhất một quy trình thông qua các ngân sách và cập nhật ngân sách trong một khoảng thời gian nhất định. [↑](#footnote-ref-137)
137. Nội dung này đặc biệt liên quan trong trường hợp có sự tham gia của các tổ chức tín dụng xuất khẩu. [↑](#footnote-ref-138)
138. Xem chú thích 152 bên dưới. [↑](#footnote-ref-139)
139. Các nghĩa vụ dành riêng cho Các Cổ Đông/Các Bên Tài Trợ có thể được nêu trong Thỏa Thuận Điều Khoản Chung hoặc trong Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ. Thông thường, các nghĩa vụ được ấn định cho Các Cổ Đông/Các Bên Tài Trợ là các nghĩa vụ chung liên quan đến tình trạng và việc tuân thủ pháp luật, duy trì bất kỳ biện pháp bảo đảm nào mà họ đã cấp và cam kết duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần trực tiếp hoặc gián tiếp của họ trong Công Ty Dự Án. [↑](#footnote-ref-140)
140. Cần cân nhắc xem danh sách này nên là danh sách đầy đủ hay nên được ghi rõ là không giới hạn ở các nội dung cụ thể đã được nêu ra. Lưu ý rằng có thể cần phải bổ sung thêm các cam kết và sự kiện vi phạm khác tùy theo các tiến độ trong giai đoạn thẩm định, vì vậy khá khó để xác định toàn bộ phạm vi cam kết ở giai đoạn lập bản điều khoản chính. [↑](#footnote-ref-141)
141. Cần cân nhắc các cam kết, nếu thích hợp, để phản ánh các luật và quy định về các lệnh trừng phạt mà có thể ảnh hưởng đến Các Bên Cho Vay tùy thuộc vào quốc gia nơi Các Bên Cho Vay được thành lập hoặc hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ và Liên Minh Châu Âu (các lệnh mà có thể cấm Các Bên Cho Vay tạm ứng tiền để cung cấp cho các mục tiêu là đối tượng của bất kỳ cơ quan ban hành lệnh trừng phạt liên quan nào, cũng như các hạn chế khác). Ngoài ra, Các Bên Cho Vay tại một số quốc gia nên xin ý kiến tư vấn về việc có khả năng xảy ra xung đột pháp luật mà có thể ảnh hưởng đến khả năng của Các Bên Cho Vay trong việc đưa ra các cam kết thuộc loại này. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Ghi Chú của APLMA liên quan đến Hướng Dẫn Chung về Lệnh Trừng Phạt (có trên trang web của APLMA).

     Các Bên Cho Vay cũng có thể muốn xem xét các sửa đổi, nếu thích hợp, để phản ánh các luật và quy định về chống rửa tiền, chống hối lộ và chống tham nhũng có thể ảnh hưởng đến họ (như đã nói ở trên, tùy thuộc vào quốc gia nơi Các Bên Cho Vay được thành lập hoặc hoạt động kinh doanh). [↑](#footnote-ref-142)
142. Các Bên Cho Vay có thể muốn dẫn chiếu cụ thể đến việc phải tuân thủ Nguyên Tắc Xích Đạo tại đây. [↑](#footnote-ref-143)
143. Đây là nghĩa vụ để đảm bảo Công Ty Dự Án duy trì và thực thi đầy đủ các quyền của mình theo Các Tài Liệu Dự Án liên quan. [↑](#footnote-ref-144)
144. Các Tài Liệu Cấp Vốn sẽ bao gồm một số Quyền Quyết Định Được Bảo Lưu cụ thể, trong đó Công Ty Dự Án sẽ cần phải hành động theo các chỉ thị của Các Bên Cho Vay (hoặc thông báo cho hoặc tham vấn với Các Bên Cho Vay) liên quan đến việc thực hiện các quyền quan trọng theo Các Tài Liệu Dự Án. Các điều khoản cụ thể tùy thuộc vào các quyền quyết định được bảo lưu thông thường sẽ không được xác định ở giai đoạn lập bản điều khoản chính. [↑](#footnote-ref-145)
145. Các Tài Liệu Dự Án và ngân sách liên quan được Các Bên Cho Vay xem xét. Do đó, Công Ty Dự Án thường bị hạn chế trong việc giao kết bất kỳ tài liệu mà chưa được tiết lộ cho Các Bên Cho Vay hoặc không nằm trong ngân sách liên quan. Việc tham gia thêm vào các hợp đồng khác sẽ được kiểm soát bởi các Quyền Quyết Định Được Bảo Lưu, và có thể đặt ra một mức giá trị tối đa dành cho các hợp đồng giá trị thấp cần phải ký kết trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. [↑](#footnote-ref-146)
146. Nội dung này có thể được bao gồm trong nghĩa vụ phải hành động theo các Quyền Quyết Định Được Bảo Lưu vốn cũng thường áp đặt các hạn chế này. [↑](#footnote-ref-147)
147. Nội dung này có thể được bao gồm trong nghĩa vụ phải hành động theo các Quyền Quyết Định Được Bảo Lưu vốn cũng thường áp đặt các hạn chế này. [↑](#footnote-ref-148)
148. Chỉ được thực hiện phân chia tiền nếu đáp ứng Các Kiểm Tra Để Phân Chia – xin xem ở trên. [↑](#footnote-ref-149)
149. Cần cân nhắc xem danh sách này nên là danh sách đầy đủ hay nên được ghi rõ là không giới hạn ở các nội dung cụ thể đã được nêu ra – xem chú thích 140 ở trên. [↑](#footnote-ref-150)
150. Cần cân nhắc xem điều này có tạo thành một sự kiện vi phạm hoặc một yêu cầu hoàn trả trước hạn bắt buộc (thuộc “Thay đổi quyền kiểm soát”) hay không và trong trường hợp tạo thành một yêu cầu hoàn trả trước hạn bắt buộc, cần cân nhắc để đưa nội dung này thành một trong các điều kiện của Các Kiểm Tra Để Phân Chia. [↑](#footnote-ref-151)
151. Việc đình chỉ Các Tài Liệu Dự Án (mục H.4(e) ở trên) hoặc sự kiện vi phạm do Dự Án bị bỏ dở như thế này có thể bao quát việc xảy ra và tiếp diễn trường hợp bất khả kháng. Lưu ý rằng việc xảy ra và tiếp diễn trường hợp bất khả kháng thường không được quy định là một sự kiện vi phạm cụ thể trong các giao dịch trong khu vực. [↑](#footnote-ref-152)
152. Có nhiều cách thức để quy định sự kiện vi phạm này. Một số cách quy định điển hình bao gồm việc xảy ra bất kỳ sự kiện hoặc tình huống nào có “một Ảnh Hưởng Bất Lợi Nghiêm Trọng” hoặc “một ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến khả năng của một Bên Chính Tham Gia Dự Án thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo các tài liệu giao dịch”. Quy định thực tế thường được xác định trong giai đoạn lập tài liệu tín dụng. [↑](#footnote-ref-153)
153. Tùy thuộc vào giao dịch, có thể phù hợp để đưa vào thêm các sự kiện vi phạm liên quan đến Các Bên Chính Tham Gia Dự Án - bao gồm cam đoan sai, vi phạm cam kết - ví dụ: nếu có một Thỏa Thuận Góp Vốn Của Cổ Đông và Hỗ Trợ Của Bên Tài Trợ với các yêu cầu về tài trợ vốn hay một hình thức bảo lãnh. Nếu có một hợp đồng nhượng quyền hoặc hỗ trợ của chính phủ dành cho dự án, có thể phù hợp để đưa vào các sự kiện vi phạm cụ thể để xử lý các sự kiện và cột mốc nêu trong các văn bản nêu trên. [↑](#footnote-ref-154)
154. Nếu dự án có một nhóm Các Bên Cho Vay, họ có thể hành động như một nhóm duy nhất phù hợp với thu xếp về biểu quyết của Các Bên Cho Vay Đa Số được nêu trong mẫu bản điều khoản chính này. Tuy nhiên, nhiều giao dịch tài trợ dự án lại liên quan đến nhiều nguồn cho vay khác nhau (ví dụ: các ngân hàng trong nước và quốc tế, các tổ chức đa phương (MLA), các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA) và các nhà đầu tư trái phiếu). Điều này dẫn đến các câu hỏi về các quyền mà từng nhóm Bên Cho Vay khác nhau sẽ có được và cách thức quản lý mối quan hệ giữa Các Bên Cho Vay - những câu hỏi này thường được giải quyết trong một thỏa thuận liên tín dụng (trong bản điều khoản chính này được gọi là Văn Kiện Ủy Thác Bảo Đảm Và Liên Tín Dụng). Thông thường, một số nội dung của thỏa thuận liên tín dụng sẽ được nêu trong bản điều khoản chính, nhưng điều này sẽ tùy thuộc vào giao dịch cụ thể và tùy thuộc vào việc bản điều khoản chính được giao kết ở giai đoạn nào.

     Các vấn đề về liên tín dụng điển hình phát sinh trong bối cảnh giao dịch tài trợ vốn dự án và có thể được đề cập đến trong bản điều khoản chính gồm có:

     1. Các thu xếp về biểu quyết chung đối với việc miễn thực hiện, sửa đổi và hành động thực thi - chẳng hạn, có cần phải có sự chấp thuận của tất cả các nhóm Bên Cho Vay hay không trước khi bất kỳ ai trong số họ tiến hành thu hồi nợ trước hạn hoặc xử lý tài sản bảo đảm? Đa số Các Bên Cho Vay (mà không phải toàn bộ Bên Cho Vay) có thể đưa ra các quyết định nào và 'đa số' sẽ được tính như thế nào (ví dụ: theo toàn bộ số lượng hoặc tính theo giá trị tín dụng - xem chú thích 156).
     2. Chia sẻ biện pháp bảo đảm theo tỷ lệ - cách thức phổ biến là tất cả Các Bên Cho Vay sẽ chia sẻ biện pháp bảo đảm tương ứng theo tỷ lệ, nhưng cũng có thể thỏa thuận để áp dụng các thu xếp khác tùy theo dự án cụ thể (ví dụ: Các Bên Cho Vay vốn lưu động có thể không được bảo đảm, hoặc các nhóm cho vay cụ thể có thể có biện pháp bảo đảm bằng các tài sản cụ thể).
     3. Thứ tự thanh toán của khoản nợ – trong trường hợp cổ đông cho Công Ty Dự Án vay, các khoản vay này sẽ luôn luôn xếp sau khoản nợ ngân hàng, nhưng ngoài ra có thể còn có lớp nợ khác nữa.
     4. Các bên đối tác phòng ngừa rủi ro – hầu hết các giao dịch tài trợ dự án sẽ liên quan đến một hình thức phòng ngừa rủi ro nào đó (điển hình nhất là phòng ngừa rủi ro lãi suất) và cần phải giải quyết vị thế của các bên đối tác phòng ngừa rủi ro so với Các Bên Cho Vay. Quan điểm chung là đối tác phòng ngừa rủi ro (i) không biểu quyết về việc miễn thực hiện và sửa đổi, (ii) có thể chấm dứt giao dịch hoán đổi trong phòng ngừa rủi ro một cách độc lập nếu xảy ra một vi phạm đã được xác định (thường là không thanh toán hoặc mất khả năng thanh toán) và (iii) được biểu quyết về việc thực thi dựa trên khoản phí trả trước hạn thực tế khi chấm dứt giao dịch hoán đổi trong phòng ngừa rủi ro.
     5. Các ưu tiên thanh toán sau thực thi – đây đơn giản là cách thức mà số tiền thu được từ việc thực thi sẽ được phân chia giữa Các Bên Cho Vay. Khởi điểm thường là tiền thu được sẽ được chia theo tỷ lệ giữa Các Bên Cho Vay, nhưng các thỏa thuận phân chia chi tiết sẽ tùy thuộc cụ thể vào từng dự án.

     [↑](#footnote-ref-155)
155. Khi có một Khoản Tín Dụng ECA, việc chuyển nhượng/chuyển giao cho ECA sẽ được cho phép mà không cần có sự chấp thuận của Công Ty Dự Án. [↑](#footnote-ref-156)
156. Các giao dịch tài trợ dự án thường yêu cầu Các Bên Cho Vay phải tham gia cam kết ở mức độ cao hơn trong suốt vòng đời của dự án so với trường hợp tài trợ vốn ít được cơ cấu hơn, và do đó có sự thay đổi so với trường hợp thường thấy khi mà Các Bên Cho Vay có thể tự do chuyển giao phần tham gia cấp vốn của mình. Các Bên Cho Vay có thể thường xuyên được yêu cầu đưa ra các quyết định, và có thể có các quyết định lớn cần được Các Bên Cho Vay đưa ra, đồng nghĩa với việc các bên trong giao dịch tài trợ dự án thường tập trung kỹ vào các vấn đề liên quan đến danh tính của Các Bên Cho Vay cũng như mối quan hệ giữa Các Bên Cho Vay với nhau, và giữa nhóm cho vay với bên vay. Các nội dung phổ biến cần thảo luận bao gồm định nghĩa về các đơn vị nhận chuyển giao được phép (ví dụ: có thể đưa ra mối quan ngại về khả năng, chẳng hạn như, các quỹ trục lợi hoặc các đơn vị chuyên mua nợ của công ty sắp phá sản có thể trở thành Bên Cho Vay). Trong một số giao dịch, các bên có thể thỏa thuận về danh sách những bên được phép nhận chuyển giao (ví dụ: danh sách trắng). [↑](#footnote-ref-157)
157. Cần cân nhắc xem có đưa vào nội dung này không. Nội dung này có thể không được một số bên cho vay chấp nhận (ví dụ các ECA và DFI đang cho Dự Án vay vốn trực tiếp). [↑](#footnote-ref-158)
158. Có thể cần thêm các điều kiện tiên quyết khác trong trường hợp giao dịch tài trợ bao gồm Khoản Tín Dụng ECA, Khoản Tín Dụng Nộp Thuế VAT hoặc một đợt tài trợ vốn theo luật Hồi giáo. [↑](#footnote-ref-159)
159. Tùy vào trường hợp cụ thể và thời gian của mỗi giao dịch cũng như dựa trên ý kiến tư vấn của luật sư trong nước, một số điều kiện tiên quyết đối với đợt rút vốn ban đầu có thể được chuyển thành một điều kiện sau hoàn tất trong một thời hạn quy định, ví dụ như, một số sự cho phép không quá cần thiết đối với dự án và bảo hiểm liên quan đến giai đoạn vận hành của Dự Án. [↑](#footnote-ref-160)
160. Tối thiểu sẽ bao gồm Công Ty Dự Án, Các Bên Tài Trợ và/hoặc Các Cổ Đông (nếu không đồng thời là Các Bên Tài Trợ). Bản sao có chứng thực của các văn kiện thành lập của Nhà Thầu Xây Dựng, Nhà Thầu VH&QL và/hoặc Các Bên Bao Tiêu cũng nên có trong trường hợp các thỏa thuận trực tiếp được ký kết đối với Các Tài Liệu Dự Án liên quan. [↑](#footnote-ref-161)
161. Mức độ chấp thuận của doanh nghiệp cần phải có sẽ tùy thuộc vào quốc gia nơi chủ thể liên quan được thành lập (và theo đó là các yêu cầu theo luật định đối với các chấp thuận của doanh nghiệp). [↑](#footnote-ref-162)
162. Cần phải có bản sao có chứng thực của các chấp thuận doanh nghiệp của Nhà Thầu Xây Dựng, Nhà Thầu VH&QL và/hoặc Các Bên Bao Tiêu như một điều kiện tiên quyết nếu các thỏa thuận trực tiếp được ký kết đối với Các Tài Liệu Dự Án liên quan. [Nếu các bản sao trên không được cung cấp như một điều kiện tiên quyết, có khả năng các văn bản chấp thuận đó sẽ được yêu cầu cung cấp riêng nhằm mục đích đưa ra ý kiến tư vấn ​​pháp lý.] [↑](#footnote-ref-163)
163. Phạm vi đối tượng phù hợp với mục 1(a) và mục 1(b) ở trên. [↑](#footnote-ref-164)
164. Nội dung này bao gồm Các Tài Liệu Bảo Đảm, mà trong Các Tài Liệu Bảo Đảm sẽ bao gồm bất kỳ Thỏa Thuận Trực Tiếp nào. [↑](#footnote-ref-165)
165. Nếu không nhận được một số ủy quyền/sự chấp thuận/sự cho phép nhất định cho đến sau Ngày Kết Thúc Tài Chính, nên quy định rõ yêu cầu của Các Bên Cho Vay liên quan đến thời gian và quy trình để nhận được các chấp thuận đó. Sẽ cần đến ý kiến tư vấn của luật sư trong nước. [↑](#footnote-ref-166)
166. Một số quốc gia (đặc biệt là ở các thị trường mới nổi) có các yêu cầu pháp lý đối với việc mua bảo hiểm với các công ty bảo hiểm trong nước. Trong trường hợp đó, các công ty bảo hiểm chính trong nước thường sẽ tái bảo hiểm (tức là tự mua bảo hiểm) vì nếu không họ sẽ không thể đáp ứng yêu cầu bồi thường lớn. [↑](#footnote-ref-167)
167. Thông thường, sẽ có một báo cáo từ mỗi bên trong số Bên Tư Vấn Kỹ Thuật, Bên Tư Vấn Môi Trường và Xã Hội, Bên Tư Vấn Bảo Hiểm và Bên Kiểm Tra Mô Hình (và bất kỳ bên tư vấn thương mại nào). Có thể có một Báo Cáo Rà Soát Pháp Lý do các Cố Vấn Pháp Lý chuẩn bị. [↑](#footnote-ref-168)
168. Thường sẽ yêu cầu những nội dung sau: (1) cố vấn cho Các Bên Cho Vay cung cấp ý kiến ​​pháp lý về Các Tài Liệu Cấp Vốn; và (2) cố vấn cho Công Ty Dự Án cung cấp ý kiến ​​pháp lý về năng lực/thẩm quyền của Công Ty Dự Án và Các Tài Liệu Dự Án chính (ví dụ như hợp đồng mua bán điện, hợp đồng nhượng quyền và Hợp Đồng Xây Dựng). [↑](#footnote-ref-169)
169. Tài liệu được liệt kê ở đây là những gì thường được các ngân hàng yêu cầu để đảm bảo dự án tuân thủ đúng Nguyên Tắc Xích Đạo. Các Tổ Chức Tài Chính Phát Triển (DFI) có thể có thêm các yêu cầu khác liên quan đến các vấn đề về môi trường và xã hội. [↑](#footnote-ref-170)
170. Các tài liệu này phải được Bên Kiểm Tra Mô Hình kiểm tra. [↑](#footnote-ref-171)
171. Ngân sách hoạt động ban đầu cũng có thể được bao gồm trong Mô Hình Tài Chính. [↑](#footnote-ref-172)
172. Nếu Công Ty Dự Án là một công ty phục vụ mục đích đặc biệt (SPV) (và do đó không có sổ sách báo cáo hiện hữu), Các Bên Cho Vay sẽ yêu cầu các sổ sách báo cáo ban đầu (sẽ chưa được kiểm toán) – đơn giản có thể là một bảng cân đối kế toán mở. [↑](#footnote-ref-173)
173. Sổ sách báo cáo của Các Bên Tài Trợ/Các Cổ Đông và/hoặc Các Bên Chính Tham Gia Dự Án có thể là phù hợp, đặc biệt trong trường hợp các khoản bảo lãnh, hỗ trợ vốn chủ sở hữu dự phòng hoặc hỗ trợ tín dụng khác đã được cung cấp. [↑](#footnote-ref-174)
174. Có liên quan trong trường hợp bên vay ở nước ngoài cần chỉ định một đại diện nhận tống đạt tại quốc gia được xác định là nơi tiến hành các thủ tục tố tụng. [↑](#footnote-ref-175)
175. Nội dung này sẽ được Bên Vay xác nhận và cũng có thể được đưa vào Mô Hình Tài Chính hoặc báo cáo lưu chuyển tiền tệ nếu Các Bên Cho Vay yêu cầu. [↑](#footnote-ref-176)
176. Quy định này có thể không phù hợp trong mọi trường hợp và cần phải xóa bỏ khi các điều kiện tiên quyết đã được thống nhất để tránh việc bổ sung thêm các điều kiện tiên quyết khác vào phút cuối. [↑](#footnote-ref-177)
177. Nội dung này sẽ được thương lượng theo từng dự án. Thông thường, có một bộ gồm nhiều cam đoan bao quát hơn được cung cấp vào Ngày Ký, và có một bộ cam đoan rút gọn cần được lặp lại vào từng thời điểm. [↑](#footnote-ref-178)
178. Điều kiện tiên quyết cụ thể này thường được đưa vào nhưng có thể bị bên vay phản đối. Lưu ý rằng việc Ngày Hoàn Tất Dự Án/Ngày Hoàn Tất Tài Chính không xảy ra chậm nhất vào Ngày Hạn Chót sẽ là một Sự Kiện Vi Phạm, nhưng điều kiện tiên quyết này cho phép có thể kiểm tra hướng đến tương lai thay vì phải đợi đến qua ngày hạn chót. Có nhiều cách thay thế khác để lồng ghép vào một kiểm tra hướng đến tương lai (ví dụ: cho phép Các Bên Cho Vay yêu cầu ngay lập tức một xác nhận của Công Ty Dự Án/Bên Tư Vấn Kỹ Thuật rằng Ngày Hoàn Tất Dự Án/Ngày Hoàn Tất Tài Chính sẽ xảy ra chậm nhất vào Ngày Hạn Chót). [↑](#footnote-ref-179)
179. Bổ sung bất kỳ điều kiện tiên quyết nào cần có đối với các khoản tín dụng riêng lẻ. Ví dụ, các khoản tín dụng có ECA hỗ trợ thường có thêm các yêu cầu về điều kiện tiên quyết, có thể gồm yêu cầu phải cung cấp bản sao chứng từ liên quan từ các nhà thầu đủ điều kiện đối với các chi phí hợp lệ, các tài liệu phải cung cấp khác theo yêu cầu trong các chính sách của ECA và các điều kiện tiên quyết liên quan đến các chính sách của ECA để có đầy đủ giá trị và hiệu lực và yêu cầu về (các) ý kiến ​​pháp lý liên quan đến các chính sách của ECA đó. [↑](#footnote-ref-180)
180. Yêu cầu này có thể bao gồm việc rút vốn các Khoản Tín Dụng theo tỷ lệ. [↑](#footnote-ref-181)
181. Đối với thông tin về FATCA, chúng tôi lưu ý rằng Hiệp Hội Thị Trường Tín Dụng đã đưa ra một số dự thảo đề xuất cách xử lý với FATCA. Đối với các giao dịch tài trợ dự án, FATCA sẽ có liên quan nếu công ty dự án được thành lập tại Hoa Kỳ. Nếu không, FATCA gần như chắc chắn sẽ không được áp dụng, trừ khi công ty dự án không phải là một SPV dự án thuần túy, trong trường hợp đó, có thể cần phải phân tích kỹ hơn về FATCA. [↑](#footnote-ref-182)
182. Những điểm cần lưu ý trong bối cảnh của điều khoản về chi phí tăng thêm bao gồm:

     1. Đạo luật Dodd-Frank – Các Bên Cho Vay có thể yêu cầu chi phí Dodd-Frank phải do bên vay chịu;
     2. Basel II – Basel II được hoàn tất năm 2004, được áp dụng tại Châu Âu trong năm 2007 và do đó hiện nay nó hiếm khi được đề cập trong điều khoản về chi phí tăng thêm; và
     3. Basel III – việc các chi phí sẽ do bên vay hay Các Bên Cho Vay gánh chịu sẽ là một vấn đề cần phải thỏa thuận thương mại. Dù kết quả được thỏa thuận thương mại ra sao, cần phải cẩn trọng trong quá trình soạn thảo tài liệu để đảm bảo kết quả chính xác.

     [↑](#footnote-ref-183)
183. Bỏ đi tùy trường hợp. [↑](#footnote-ref-184)
184. Bỏ đi tùy trường hợp. [↑](#footnote-ref-185)
185. Hầu hết các tranh chấp phức tạp hoặc có giá trị cao sẽ có xu hướng được xét xử bởi một hội đồng trọng tài ba người (hoặc đôi khi là năm người). Cũng có thể phù hợp để quy định trước các điều kiện về chỉ định trọng tài viên (ví dụ: luật sư phải có một số năm kinh nghiệm nhất định trong một lĩnh vực nhất định hoặc một chuyên gia trong lĩnh vực/ngành liên quan). [↑](#footnote-ref-186)
186. Cân nhắc nên đưa tranh chấp ra giải quyết trước trọng tài hay tòa án. Các bên cần cân nhắc xem có nên đưa vào đây quy định về bước đàm phán/hòa giải trước, trước khi tiến hành thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp hay không, và nếu có, cần sửa đổi Điều này để ghi nhận sự thỏa thuận đó (ví dụ, việc hòa giải đó có bắt buộc hay không, và từ đó quy định điều kiện trước tiên cần đáp ứng để tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp tiếp theo). Nếu các bên đồng ý áp dụng điều khoản về hòa giải, một phương án là đưa vào đây điều khoản mẫu về Thể thức Trọng Tài-Hòa Giải-Trọng Tài (AMA) SIAC-SIMC - thông tin chi tiết về Thể thức AMA này, gồm cả điều khoản mẫu, có thể tham khảo tại https://simc.com.sg /dispute-resolution/arb-med-arb/. [↑](#footnote-ref-187)
187. Chỉ những định nghĩa chính yếu mới được đưa vào bản điều khoản chính. Các định nghĩa còn lại có thể được quy định đầy đủ trong tài liệu liên quan. [↑](#footnote-ref-188)
188. Các bên có thể cần cân nhắc xem có nên đưa vào đây bất kỳ số tiền nào được rút vốn hoặc dự kiến được rút vốn từ Tài khoản MRA vào Tài Khoản Hoạt Động trong giai đoạn liên quan hay không, nếu việc rút vốn đó được cho phép theo Các Tài Liệu Cấp Vốn. Xin xem đoạn (b)(iii) của định nghĩa. [↑](#footnote-ref-189)
189. Đưa vào nếu các khoản tín dụng là bằng một đơn vị tiền tệ khác, không phải bằng Đô la Singapore. Điền trung tâm tài chính chính của đơn vị tiền tệ đó. Cần cân nhắc liệu có cần các định nghĩa về “Ngày Làm Việc” khác nhau cho các khoản vay khác nhau hay không. [↑](#footnote-ref-190)
190. Cập nhật nếu cần thiết để phản ánh Kỳ Tính Toán liên quan và tiến độ giảm dần nợ (ví dụ: nếu Kỳ Tính Toán là 12 tháng và Ngày Hoàn Trả là mỗi nửa năm một lần, thì sẽ là Ngày Tính Toán thứ hai ngay sau Ngày Tính Toán đó). [↑](#footnote-ref-191)
191. Cân nhắc xem có nên quy định rõ tại đây thay vì trong phần Các Tỷ Suất hay không: “bao gồm các khoản phải trả liên quan đến Khoản Tín Dụng Vốn Lưu Động (trong phạm vi không được cung cấp sẵn để rút vốn lại)”. [↑](#footnote-ref-192)
192. Việc xây dựng các tỷ suất sẽ phụ thuộc vào từng dự án cụ thể. Lãi suất chiết khấu sử dụng trong tính toán NPV phải phản ánh rủi ro là các dòng doanh thu của dự án sẽ không phát sinh. Do đó, lãi suất chiết khấu điển hình là lãi suất do các bên cho vay tính (vì điều này, thông qua biên lợi nhuận, thể hiện quan điểm của bên cho vay về mức độ rủi ro của dự án). Trong trường hợp cách tiếp cận như trên được chấp thuận, và lãi suất phòng ngừa rủi ro được sử dụng, thì lãi suất chiết khấu nói chung sẽ phản ánh mức tài trợ lãi suất cố định thực hiện đạt được thông qua hoán đổi lãi suất. [↑](#footnote-ref-193)
193. Nội dung này đề cập đến các chi phí (nếu có) mà các bên tài trợ đã phải chịu khi phát triển Dự Án cho đến thời điểm hiện tại mà cần được tính đến trong giao dịch tài trợ. Nếu các bên tài trợ được 'công nhận' các khoản giá gốc, Các Bên Cho Vay sẽ yêu cầu các bên tài trợ cung cấp bằng chứng thỏa đáng về số tiền đã chi và cách thức các khoản tiền đó đã được sử dụng. [↑](#footnote-ref-194)
194. Khoản này có thể được tính vào khoản chi xây dựng cơ bản/chi phí xây dựng. [↑](#footnote-ref-195)
195. Thuật ngữ “Chi phí tài trợ vốn” thường được sử dụng như một thuật ngữ đã được định nghĩa trong Các Tài Liệu Cấp Vốn mà trong đó nó có thể được định nghĩa khác đi (ví dụ: không bao gồm chi phí giao kết các hợp đồng phòng ngừa rủi ro) nhưng ở đây nó chỉ đơn giản đề cập đến các chi phí liên quan đến việc tài trợ vốn mà chưa được bao gồm trong các mục khác. [↑](#footnote-ref-196)
196. Các tài khoản dự phòng có thể cần phải được cung cấp tiền đầy đủ vào đầu thời gian vận hành, trong trường hợp đó, chi phí cung cấp tiền vào tài khoản đó nên được tính vào ngân sách chi phí dự án. Nếu các tài khoản dự phòng sẽ được tài trợ bằng các thư tín dụng (L/C) mà không phải bằng tiền mặt, chi phí của L/C sẽ được tính vào đây. Có thể tìm hiểu thêm ghi chú chi tiết hơn về tài khoản dự phòng trong phần *Các* *tài khoản dự án*trong Bản Điều Khoản Chính này. [↑](#footnote-ref-197)
197. Sơ đồ trong phần này chỉ nhằm mục đích minh họa và cần phải được điều chỉnh để thể hiện đúng cơ cấu sở hữu cổ phần của dự án liên quan. [↑](#footnote-ref-198)